CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU

MATERIALS – PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY

(COMECO)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2012

(01/01/2012 – 31/12/2012)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2013

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
	Mục lục	***1***
	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	***2***
Phần 1	**THÔNG TIN CHUNG**	**4**
I.	Thông tin khái quát về COMECO	4
II.	Quá trình hình thành và phát triển	6
III.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
IV.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	10
V.	Định hướng phát triển đến năm 2016 và tầm nhìn đến năm 2020	12
VI.	Các rủi ro	17
Phần 2	**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012**	**19**
I.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012	19
II.	Tổ chức nhân sự	19
III.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	22
IV.	Tình hình tài chính	26
V.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu	27
Phần 3	**BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**	**34**
I.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	34
II.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	35
III.	Kế hoạch phát triển năm 2013	35
IV.	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	37
Phần 4	**ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**	**38**
I.	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	38
II.	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGĐ, các cán bộ quản lý của Công ty	38
III.	Các kế hoạch và định hướng của HĐQT	39
Phần 5	**QUẢN TRỊ CÔNG TY**	**41**
I.	HĐQT	41
II.	Ban Kiểm soát	46
III.	Phối hợp hoạt động của HĐQT, BKS và Ban TGĐ	49
IV.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ và BKS	49
Phần 6	**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**	**54**
	Hệ thống Chi nhánh xăng dầu COMECO	**80**
	Hệ thống Đại lý xăng dầu của COMECO	**81**

THÔNG ĐIỆP
CỦA BAN LÃNH ĐẠO COMECO

Kính gửi: Quý Cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, khách hàng
cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên COMECO

Kính thưa Quý vị

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành COMECO xin được gửi tới toàn thể Quý vị lời chúc sức khỏe và lòng biết ơn sâu sắc vì sự hợp tác, hỗ trợ và chia sẻ chân thành của Quý vị đã dành cho COMECO trong nhiều năm qua. Đó thực sự là nguồn động viên và khích lệ lớn để COMECO tiếp tục nâng cao *chất lượng dịch vụ* của mình.

Năm 2012 là năm rất khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, từ đó tác động lớn đến ngành kinh doanh xăng dầu trong nước trong đó có COMECO. Tuy nhiên, với bề dày kinh nghiệm và uy tín trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, cộng với sự lãnh đạo và phối hợp nhịp nhàng của Ban lãnh đạo, sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty, COMECO đã khép lại năm 2012 với những kết quả đáng khích lệ như sau:

1. Các chỉ tiêu kinh tế cơ bản đều đạt và vượt mức kế hoạch năm 2012.

2. Đầu tư phát triển và đưa vào hoạt động thêm được 2 CNXD mới tại Tp.HCM và tỉnh Long An. (Đầu năm 2013, ngày 02/02/2013 COMECO lại tiếp tục khai trương thêm 1 CNXD mới nữa tại Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương).

3. Công tác đào tạo nguồn nhân lực đạt được những kết quả nhất định cả về nhận thức và chuyên môn nghiệp vụ của người lao động. Hệ thống Quản trị Chất lượng Toàn diện (QTCLTD) liên tục được cải tiến và ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả của Công ty, đưa Thương hiệu COMECO ngày càng phát triển, được nhiều khách hàng đánh giá cao về chất lượng phục vụ.

4. Có 75 Sáng kiến, Giải pháp mới (trong đó có 02 Sáng kiến, 73 Giải pháp mới) của người lao động được công nhận, khen thưởng kịp thời; trong đó nhiều Giải pháp mới có giá trị làm lợi cao, tiết kiệm được nhiều khoản chi phí.

5. Việc làm và đời sống của toàn thể CBCNV được duy trì thường xuyên.

6. Làm tốt trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội, COMECO đã đóng góp **452.464.000** đồng để xây dựng nhà tình nghĩa và tặng quà cho các gia đình chính sách, đồng bào nghèo, các trung tâm người già neo đơn, trẻ em tàn tật,...

Kính thưa Quý vị,

Đứng trước dự báo tình hình năm 2013 sẽ vẫn còn nhiều khó khăn thách thức, Hội đồng Quản trị, Ban điều hành xác định chủ đề *Chương trình hành động năm 2013* của toàn COMECO là : "**Trách nhiệm, Nêu gương – Kỷ luật, Kỷ cương**" với nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2013 là: tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động; nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ; tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển mạng lưới kinh doanh bán lẻ xăng dầu; tận dụng triệt để các nguồn lực hiện có; triển khai và áp dụng hiệu quả các Sáng kiến – Giải pháp mới để thực hành triệt để tiết kiệm, tiết giảm các khoản chi phí; duy trì và thường xuyên cải tiến Hệ thống Quản trị Chất lượng Toàn diện (ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 và OHSAS 18001:2007); Quản trị công ty minh bạch, hiệu quả và khoa học,…

Với những kết quả tích cực đạt được trong năm 2012 và các định hướng, giải pháp cơ bản năm 2013 như trên cùng với sự ủng hộ, đồng hành của tất cả Quý vị, Ban lãnh đạo Công ty tin rằng COMECO có đủ cơ sở để tiếp tục duy trì tốc độ phát triển ổn định trong năm 2013, tiếp tục tạo nền tảng để thực hiện thành công Chiến lược phát triển kinh tế của COMECO trong giai đoạn 2012 – 2016; đồng thời là cơ sở vững chắc để phát triển thương hiệu:

"COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ".

Ban lãnh đạo Công ty cam kết luôn phát huy các Giá Trị Cốt Lõi đã đề ra, các giá trị đã tạo nên niềm tin của toàn thể Quý Cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, khách hàng, Cán bộ công nhân viên Công ty đối với COMECO và mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ, sát cánh của toàn thể Quý vị trên những chặng đường sắp tới.

Cuối cùng, xin kính chúc Quý vị và Gia đình nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng.

M.S.D.N: 0300450673-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU
QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Tấn Thương	***Trương Đức Hạnh***
Tổng Giám đốc	**Chủ tịch HĐQT**

"Trong năm 2012, tập thể đội ngũ Lãnh đạo và CBCNV COMECO đã nỗ lực phấn đấu không ngừng, vượt qua khó khăn, thử thách để sẵn sàng ứng phó với biến động của nền kinh tế nói chung và ngành xăng dầu nói riêng".

Phần I
THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ COMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU
(COMECO)
MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY

1. Địa chỉ văn phòng	: 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.HCM
2. Địa chỉ văn phòng cũ	: 11 Cao Bá Nhạ, P.Nguyễn Cư Trinh, Q.1, Tp.HCM
3. Điện thoại	: (84-8) 38 321 111, 38 302 222, 38 303 222
4. Fax	: (84-8) 38 325 555
5. Email	: comecopetro@hcm.vnn.vn
6. Website	: http://www.comeco.com.vn; www.comeco.vn
7. Giấy CNĐKKD số	: 0300450673, cấp ngày 13-12-2000
8. Tên cũ (DNNN)	: Công ty Vật tư Thiết bị GTVT (COMECO)
9. Vốn điều lệ	: 141.206.280.000 đồng
10. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 141.206.280.000 đồng
11. Mã Chứng khoán	: COM
12. Ngày niêm yết trên Hose	: 07-8-2006
13. Ngày thành lập	: 13-12-1975
14. Thời điểm cổ phần hóa	: 13-12-2000
15. Thương hiệu COMECO	: Đã đăng ký tại Cục Sở hữu Công nghiệp từ năm 1993.

Giới thiệu danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát :

(Hình chụp chung – Nếu có)

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Ngày thành lập : 13-12-1975.

2. Thời điểm niêm yết : 07-08-2006

3. Quá trình hình thành Công ty :

Qua hơn 37 năm hoạt động, do quy mô và nhiệm vụ của từng giai đoạn khác nhau nên tên gọi của Công ty được thay đổi như sau :

- **Phòng Quản lý Xăng dầu** : **Sau 30/4/1975**, Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh đã tiếp nhận hệ thống vận tải của Nha Lộ vận chế độ cũ với trên 5.000 phương tiện vận tải hàng hóa và hành khách các loại. Từ thực trạng này, Sở GTVT đã thành lập Phòng Quản lý Xăng dầu để quản lý các trạm xăng và phân phối nhiên liệu cho các phương tiện vận tải nói trên. Phòng Quản lý Xăng dầu chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) ngày nay.

- **Xí nghiệp Rửa xe và Cung ứng Xăng dầu** : **Từ 08/1977 đến 12/1978**

  (trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)

- **Xí nghiệp Cung ứng Vật tư** : **Từ 12/1978 đến 12/1981**

  (trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)

- **Xí nghiệp Cung ứng Nhiên liệu** : **Từ 12/1981 đến 10/1992**

  (trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)

- **Công ty Vật tư Thiết bị GTVT (COMECO)**:**Từ 10/1992 đến 12/2000**

  (trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh)

- **Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO)** : **Từ 12/2000 đến nay**

+ COMECO trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Tp.HCM từ tháng 01/2001 đến tháng 09/2004.

+ Ngày 15/7/2004 Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 172/2004/QĐ-UB thành lập Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO) thí điểm hoạt động thao mô hình công ty mẹ - công ty con, theo đó có 25 công ty trực thuộc Sở Giao thông Công chánh là công ty con và toàn bộ cơ cấu tổ chức của SAMCO trước đây trở thành công ty mẹ. Theo quyết định trên COMECO đã trở là thành viên của SAMCO kể từ tháng 10/2004 đến tháng 2/2010. Vốn nhà nước do SAMCO nắm giữ vào thời điểm tháng 3/2010 là : 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL 79,999 tỷ đồng), ngoài ra SAMCO còn mua thêm 503.060 cp (chiếm 6,29%/VĐL 79,999 tỷ đồng)

+ Từ tháng 3/2010 COMECO được chuyển về Văn phòng Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh. Vốn Saigon Petro tại COMECO gồm: vốn Nhà nước được chuyển từ Tổng công ty SAMCO 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL) cộng với phần tự mua thêm, tổng cộng Saigon Petro nắm giữ 1.678.670 cp com (chiếm 20,98%/VĐL). SAMCO giữ lại phần mua thêm 503.060 cp làm cổ đông chiến lược.

4. Những cột mốc quan trọng của COMECO :

- Ngày 28/4/2012 : ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2011 của COMECO kết thúc nhiệm kỳ III (2007 – 2011) và đã bầu lại thành viên HĐQT, BKS cho nhiệm kỳ IV (2012 – 2016) theo đó hầu hết các thành viên HĐQT và BKS cũ là các cán bộ kiêm nhiệm của Công ty không còn tham gia vào HĐQT và BKS. Hai cổ đông lớn của Công ty là Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), sở hữu 4.281.950 cp chiếm tỷ lệ 30,32%/VĐL (31,14%/SLCP có quyền biểu quyết) và Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM (Saigon Petro), sở hữu 3.750.200 cp chiếm tỷ lệ 26,56%/VĐL (27,27%/SLCP có quyền biểu quyết) đã cử 4 thành viên tham gia vào HĐQT (2 người/1 đơn vị) và 2 thành viên tham gia vào BKS (1 người/1 đơn vị) nhiệm kỳ IV. Đồng thời ĐHĐCĐ đã phê chuẩn việc tách chức danh Chủ tịch HĐQT và TGĐ. Theo đó Bà Trương Đức Hạnh tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV, Ông Lê Tấn Thương được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc điều hành của COMECO từ ngày 01/5/2012.

- Ngày 25/12/2011: COMECO được Ban Tuyên giáo, Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam, các Bộ ngành liên quan tuyên dương sản phẩm, dịch vụ của COMECO nằm trong Top "100 Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2011" (8.879 lượt người bình chọn)

- **Ngày 02/4/2011 : Chuyển trụ sở làm việc sang Tòa nhà COMECO** tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

- **Ngày 13/12/2010 :** Công ty tổ chức Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty, 10 năm cổ phần hóa với chủ đề **: "35 năm -Vinh quang một chặng đường; 10 năm cổ phần hóa - Dấu ấn thành công"**.

- **Tháng 8/2010** : **Lễ khánh thành Tòa nhà COMECO** tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

- **Tháng 12/2009** : Nhận 2 Giấy chứng nhận : **Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004** và **Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007** do Bureau Veritas Certification (BVC) của Vương quốc Anh cấp.

- **Tháng 10/2009** : Nhận Giải thưởng **Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương** do tổ chức Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương (APQO) tặng tại Mexico.

- **Tháng 08/2008** : Ban hành **Giá Trị Cốt Lõi** của COMECO gồm 12 thành tố.

- **Tháng 12/2007** : Nhận **Giấy chứng nhận 5S** do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam cấp.

- **Tháng 10/2007** : Phát hành thêm 4.599.917 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 34 tỷ đồng lên **79,99 tỷ đồng**, thặng dư 151 tỷ đồng.

- **Tháng 10/2004** : Nhận Giấy chứng nhận **Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2000** do BVQI (Vương quốc Anh) cấp.

- **Tháng 12/2000** : **Cổ phần hóa** theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- **Tháng 07/1988** : COMECO đã mạnh dạn đề xuất và được sự chấp thuận của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho phép **mở cửa các Cửa hàng xăng dầu COMECO để kinh doanh bán lẻ** phục vụ nhân dân Thành phố và đã thu được những kết quả mang tính đột phá cho sự phát triển kinh doanh của Công ty theo cơ chế thị trường.

5. Quá trình tăng vốn điều lệ :

Đơn vị tính : Triệu đồng

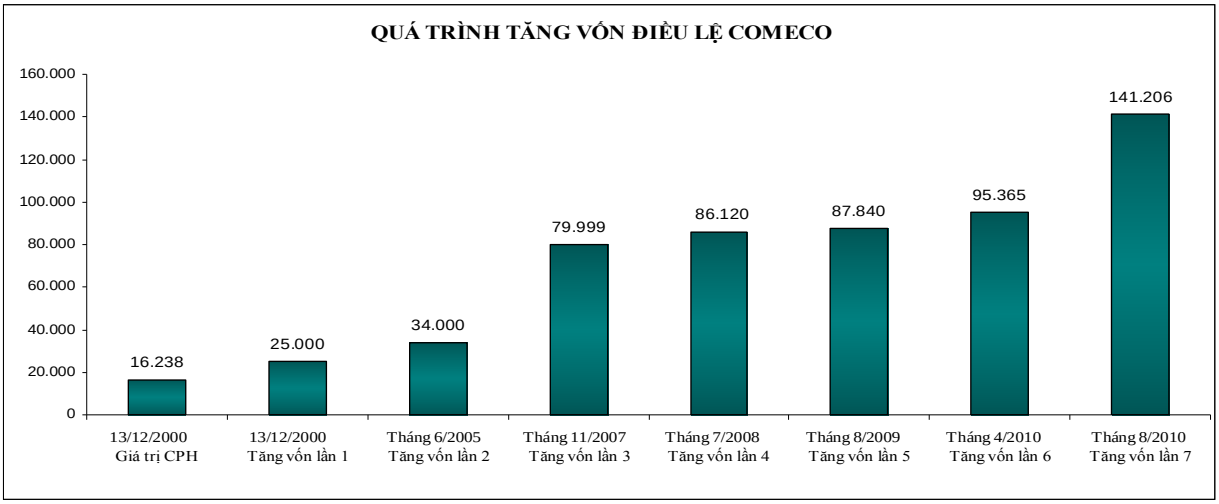

6. Cơ sở vật chất kỹ thuật : gồm các nội dung chính sau :

- Cơ sở vật chất của Công ty có nhiều nhà, xưởng, kho bãi với tổng diện tích đất là: 263.825 m^2 (trong đó bao gồm 20 ha đất của Dự án Tổng kho Xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai).
- 37 chi nhánh xăng dầu (cửa hàng xăng dầu).
- Đội xe bồn gồm 23 chiếc : + 11 xe hiệu Kamaz, dung tích 12.000 lít.
  + 05 xe hiệu Hino, dung tích 16.000 lít.
  + 07 xe hiệu Kamaz, dung tích 17.000 lít.
- Xưởng lắp ráp trụ bơm điện tử COMECO với 160 trụ bơm đang hoạt động trong hệ thống CNXD COMECO.
- Xưởng sửa chữa xe.
- Tòa nhà văn phòng COMECO (10 tầng, diện tích sử dụng : 4.489 m^2) tại 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.HCM.

7. Thành tích đạt được trong những năm qua :

NĂM	DANH HIỆU	ĐƠN VỊ TRAO TẶNG
2012	**Xếp hạng 147** trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 686/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000)	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
	Giải thưởng **Báo cáo thường niên tốt nhất** năm 2011	Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM
	Bằng khen trong hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học & Công nghệ
2011	**Bằng khen** của Công đoàn Viên chức Việt Nam	Công đoàn Viên chức VN
	Được tuyên dương **Top 100 "Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2011"**	Ban Tuyên giáo, Báo điện tử Đảng CSVN và các bộ ngành liên quan
	Xếp hạng 219 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 540/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000)	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet

	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2009-2010	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Đảng bộ COMECO được tôn vinh là Đảng bộ tiêu biểu xuất sắc trong Chương trình tôn vinh lần thứ I năm 2011.	Ban Tổ chức và Ban Tuyên giáo Trung ương
	Giải thưởng **Báo cáo thường niên tốt nhất** năm 2010	Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM
2010	Giải thưởng **Báo cáo thường niên tốt nhất** năm 2009	Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM
	Đảng bộ COMECO được tặng **Cờ** cho tổ chức Đảng cơ sở 5 năm trong sạch vững mạnh, tiêu biểu (2005 – 2009)	Thành ủy TP Hồ Chí Minh
	Cờ và Bằng khen của UBND Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong 5 năm (2005 – 2010) về "Ngày hội toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc"	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Xếp hạng 205 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 563/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
2009	Giải thưởng **Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương**	Tổ chức Chất lượng Quốc tế (APQO)
	Bằng khen về thành tích trong lĩnh vực đo lường.	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam
	Giải thưởng **Doanh nghiệp hội nhập và phát triển**	Ban Tuyên giáo Trung ương
	Xếp hạng 161 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500).	Trung tâm Thông tin Tín dụng – Ngân hàng NN VN
2008	**Huân chương Độc lập** hạng ba	Chủ tịch Nước
	Giải thưởng **Doanh nghiệp phát triển bền vững** lần thứ I	Bộ Công thương
2007	Giải **Vàng Chất lượng VN**	Bộ Khoa học – Công nghệ
	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ
	Giải thưởng **Thương hiệu vàng, Slogan - Logo ấn tượng**	Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ thương hiệu (VATAP)
	Giải thưởng **Doanh nghiệp VN áp dụng thành công khoa học công nghệ** (BUTEC)	Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
2002	**Huân chương Lao động** hạng nhất	Chủ tịch Nước
1998	**Huân chương Lao động** hạng hai	Chủ tịch Nước
1992	**Huân chương Lao động** hạng ba	Hội đồng Nhà nước

Ngoài ra, việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh luôn được Ban lãnh đạo Công ty quan tâm và năm 2012 toàn Công ty có 490/537 CBCNV và 40/40 đơn vị đăng ký học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Qua phong trào này, Công ty đã biểu dương 5 gương điển hình tiên tiến; Đảng ủy COMECO được Đảng bộ Cơ quan Văn phòng Thành ủy tặng Giấy khen về thành tích "**Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".**

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty cũng tạo điều kiện cho CBCNV tham gia các phong trào văn thể mỹ để nâng cao đời sống tinh thần cho NLĐ và đã đạt được các thứ hạng cao trong các hội thi như : Karaoke, Bóng đá, Tennis, Cầu lông, Bóng bàn, trò chơi vận động,….

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh chính :

1.1. Kinh doanh xăng, dầu, nhớt chiếm: **99,56%** doanh thu toàn Cty năm 2012.

1.2. Cho thuê văn phòng, kho bãi chiếm: **0,38%** doanh thu toàn Cy năm 2012.

1.3. Kinh doanh khác chiếm: **0,06%** doanh thu toàn Cty năm 2012.

Gồm : - Kinh doanh thiết bị cho trạm xăng và vật tư, phương tiện GTVT.

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Dịch vụ rửa xe.
- Xây dựng nhà các loại.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Kinh doanh bất động sản.

2. Địa bàn kinh doanh : Thành phố Hồ Chí Minh (chủ yếu) và một số tỉnh lân cận : Long An, Bình Dương, Đồng Nai, Bến Tre, Lâm Đồng.

IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị và nguyên tắc hoạt động :

- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ bầu HĐQT để lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, bầu BKS để kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị, điều hành Công ty.

- Điều hành hoạt động của Công ty là Ban điều hành, trong đó đứng đầu là TGĐ do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền cho Giám đốc các bộ phận để giải quyết các công việc cụ thể.

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty :

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

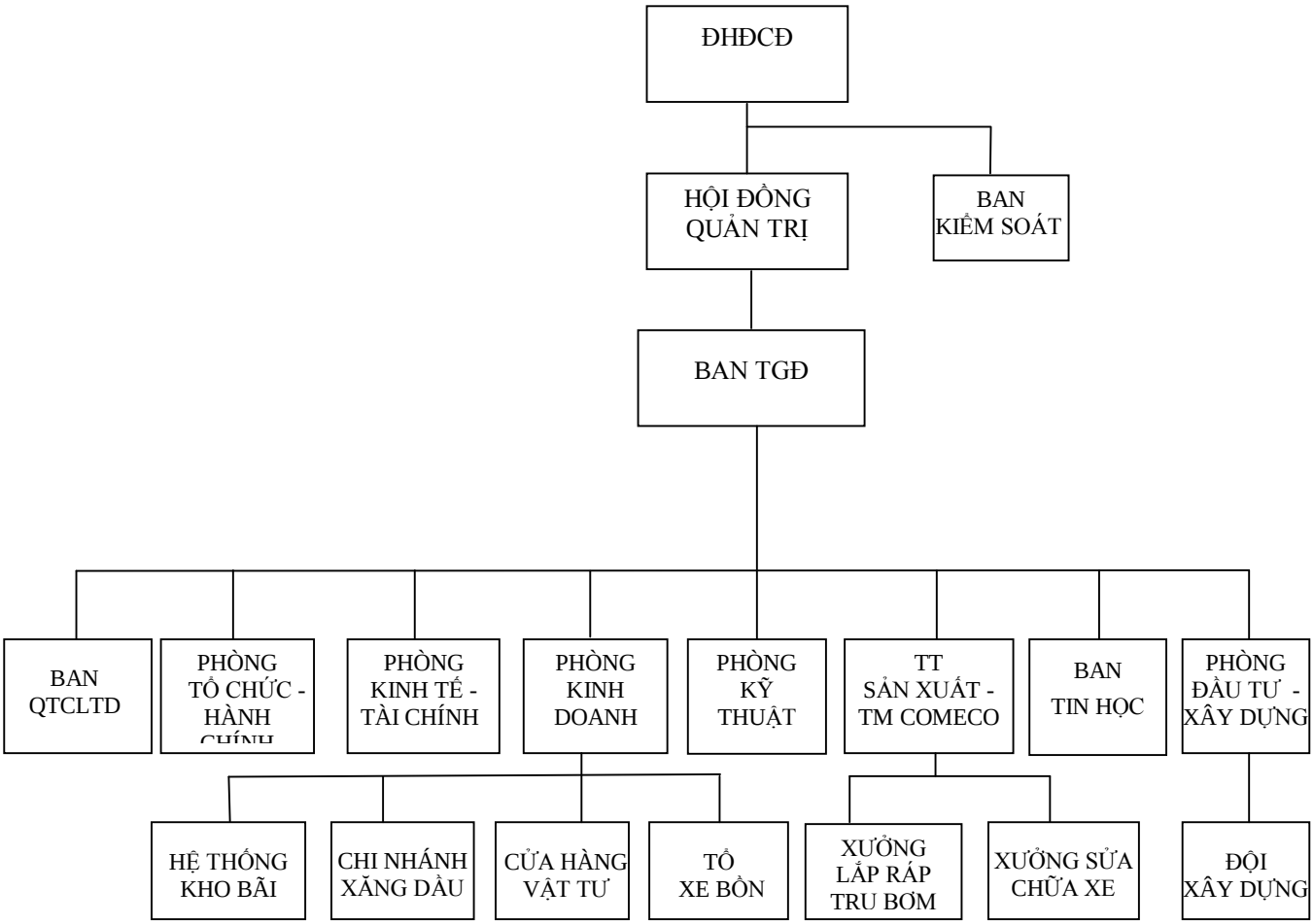

3. Các Công ty con, Công ty liên kết : không có

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2016 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020

1. Phân tích môi trường kinh doanh : SWOT

ĐIỂM MẠNH (S)	ĐIỂM YẾU (W)
1. COMECO có cơ sở vật chất kỹ thuật khá tốt với quỹ đất **263.825** m^2, tọa lạc ở những vị trí thuận lợi cho việc phát triển SXKD. Trong đó, có 37 Chi nhánh bán lẻ xăng dầu rộng khắp trên Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận; trên 20 ha đất ở Nhơn Trạch, Đồng Nai của Dự án Tổng kho Xăng dầu COMECO. 2. Thương hiệu COMECO được định vị trên thương trường và cũng là thương hiệu mạnh trong ngành kinh doanh bán lẻ xăng dầu. COMECO hiện đang đứng thứ 2 trong kinh doanh phân phối bán lẻ xăng dầu tại thị trường TP.HCM sau Xí nghiệp bán lẻ Xăng dầu thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex). 3. Tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch. Mức tăng trưởng ổn định và khá cao, bình quân 18,2%/năm (2001-2012). 4. Đội ngũ CBCNV nhiệt tình, năng động và giàu kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu. 5. Chuẩn mực quản lý kinh doanh ngày càng hoàn thiện theo tiêu chí của các hệ thống quản lý tiên tiến trên thế giới; Văn hóa COMECO ngày càng phát triển; môi trường làm việc ngày càng tốt hơn.	1. Chưa chủ động được nguồn hàng và giá bán. 2. Thông tin về thị trường, đối thủ và makerting đôi khi còn chậm. 3. Đầu tư nhân lực chưa theo kịp tốc độ phát triển của COMECO. 4. Vi tính hóa quản trị còn chậm. 5. Thông tin nội bộ đôi khi chưa thông suốt.
CƠ HỘI (O)	**NGUY CƠ (T)**
1. Tình hình chính trị trong nước ổn định; cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng dịch vụ và công nghiệp. 2. Các khu đô thị, khu công nghiệp của Thành phố phát triển nhanh. 3. Chính phủ triển khai quy hoạch phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng của Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025, sẽ là môi trường thuận lợi để COMECO triển khai đầu tư các sản phẩm hóa dầu tại 20 ha đất Nhơn Trạch, Đồng Nai. 4. Xăng dầu là mặt hàng chiến lược, chưa có sản phẩm thay thế hữu hiệu. Cơ chế kinh doanh xăng dầu dần theo hướng thị trường. 5. Dự kiến đến năm 2015, xăng dầu "nội"cung cấp cho thị trường sẽ chiếm khoảng 50-60%; giá cả và nguồn cung xăng dầu sẽ thuận lợi hơn.	1. Giá xăng dầu thế giới có xu hướng tăng cao và không ổn định, vốn cho kinh doanh tăng. 2. Nhiều khả năng các doanh nghiệp nước ngoài được phép kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam. Nhiều khoản chi phí tăng cao, chiết khấu hoa hồng giảm mạnh sẽ làm giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty. 3. Hạn chế phát triển cửa hàng xăng dầu trong nội đô, các cửa hàng hiện hữu của Công ty phải điều chỉnh lại theo quy hoạch hoặc di dời. 4. Công tác quản lý kinh doanh xăng dầu của Nhà nước vẫn còn nhiều bất cập về giá cả, chất lượng,… cơ chế chính sách kinh doanh xăng dầu chưa theo kịp thị trường. 5. Các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đều tập trung thực hiện chiến lược mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu, tình hình cạnh tranh sẽ ngày càng quyết liệt.

PHỐI HỢP SO = Phát huy điểm mạnh tận dụng cơ hội

(S1, S2, S3, S4) + (O1, O2, O3, O4, O5) → **Chiến lược tăng trưởng tập trung**

(S2, S3, S4, S5) + (O1, O2, O3, O4, O5) → **Chiến lược hội nhập**

PHỐI HỢP WO = Khắc phục điểm yếu để tận dụng cơ hội

(W1) + (O3, O4, O5) → **Chiến lược tăng trưởng**

(W3, W4) + (O2, O4) → **Chiến lược Hệ thống Quản trị Chất lượng**

PHỐI HỢP ST = Phát huy điểm mạnh hạn chế nguy cơ, thách thức

(S1, S2, S4) + (T1, T2, T3) → **Chiến lược đầu tư**

(S1, S2, S3, S4, S5) + (T3, T5) → **Chiến lược Marketing**

PHỐI HỢP WT = Khắc phục điểm yếu để hạn chế nguy cơ

(W2, W3) + (T4, T5) → **Chiến lược nguồn nhân lực**

(W2, W3) + (T1, T2) → **Chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, phát triển sản phẩm mới**

Từ việc phân tích SWOT trên Công ty đưa ra mục tiêu và chiến lược như sau :

2. Định hướng phát triển đến năm 2016 và tầm nhìn đến năm 2020 :

2.1. Mục tiêu tổng quát :

Mục tiêu chiến lược của COMECO đến năm 2020 : tập trung nguồn lực cho việc phát triển ngành kinh doanh xăng dầu : thực hiện Chiến lược đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh; phát triển nguồn nhân lực; phát triển Văn hóa, Thương hiệu COMECO; phấn đấu đưa COMECO trở thành :"**COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ** và **Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam** (trục chính là xăng dầu)". Đồng thời thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng; đảm bảo lợi ích của Nhà nước, Cổ đông và Người lao động.

2.2. Mục tiêu chủ yếu đến năm 2016 :

- Tiếp tục nâng cao thị phần bán lẻ xăng dầu; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm tối thiểu 10%/năm.

- Đầu tư phát triển thêm tối thiểu 08 CNXD mới.

- Phát triển hệ thống đại lý bán lẻ xăng dầu.

- Xây dựng nhà máy pha chế dầu nhờn COMECO, các sản phẩm hóa dầu và có thể khai thác các ngành hàng khác dưới nhiều hình thức đầu tư tại hơn 20 ha đất của Dự án Tổng kho Xăng dầu COMECO ở Nhơn Trạch, Đồng Nai.

- Đầu tư công nghệ SXKD và quản lý theo hướng hiện đại, đặc biệt là đầu tư để kinh doanh nhiên liệu sạch.

- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, khai thác tối đa quỹ đất để phát triển sản xuất kinh doanh.

- Đào tạo nguồn nhân lực đủ để đáp ứng nhu cầu phát triển SXKD của Công ty. Đảm bảo việc làm và đời sống cho CBCNV.

- Bảo toàn và phát triển vốn; quản lý an toàn tài chính, sử dụng vốn hiệu quả phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

- Duy trì và cải tiến Hệ thống QLCLTD (ISO 9001:2008; ISO 14001:2004; OHSAS 18001:2007); 5S và 7 tiêu chí của Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương. Bảo vệ môi trường sinh thái và bảo vệ sức khỏe công đồng.

- Tiếp tục xây dựng Văn hóa và phát triển thương hiệu COMECO bền vững trên thương trường; đồng thời để tăng khả năng cạnh tranh trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

3. Chiến lược phát triển trung, dài hạn và một số giải pháp :

CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG	CÁCH THỰC HIỆN
Chiến lược nguồn nhân lực	Huấn luyện, đào tạo để tạo sự khác biệt nhằm tăng tính cạnh tranh trong kinh doanh	- Huấn luyện, đào tạo để nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng phục vụ. - Xây dựng một nền Văn hóa COMECO mạnh chính là sự khác biệt giữa COMECO với các đối thủ cạnh tranh và là chìa khóa cho sự thành công trong tương lai. - Hệ thống thu thập và xử lý thông tin từ khách hàng, nhà cung cấp, người lao động và các bên có liên quan.

	Lao động và tiền lương	- Thực hiện đầy đủ và có chất lượng các quy định về tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ. - Thực hiện các chương trình đào tạo và đào tạo lại đội ngũ CBCNV. - Cải tiến từng bước chế độ tiền lương để tiền lương thực sự là đòn bẩy để phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám. - Duy trì tốt phong trào thi đua để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác. - Khen thưởng động viên kịp thời, đồng thời nâng cao kỷ luật lao động.
Chiến lược tăng trưởng	Nâng cao chất lượng dịch vụ	- Đảm bảo số lượng, chất lượng xăng dầu cung cấp theo quy định. - Niêm yết giá bán công khai, rõ ràng. Giao hàng đúng thời gian. - Cung cấp và tư vấn đầy đủ thông tin về sản phẩm để khách hàng yên tâm sử dụng. Có các chương trình khuyến mãi phù hợp. - Hồ sơ, chứng từ mua bán đầy đủ, nhanh chóng, chính xác và đúng quy định. - Thực hiện đúng Quy trình bán hàng, thể hiện sự thân thiện, nói lời "cảm ơn" sau khi bán hàng. - Môi trường, cảnh quan tại các Chi nhánh Xăng dầu (CNXD) an toàn, sạch đẹp, đảm bảo an ninh trật tự và PCCC. - Đa dạng hóa các hình thức thanh toán.
	Đầu tư phát triển mạng lưới, nâng cấp cơ sở hạ tầng	- Đầu tư phát triển hệ thống chi nhánh bán lẻ xăng dầu dưới nhiều hình thức như : mua, thuê đất xây dựng CNXD; mua hoặc thuê CNXD có sẵn, hợp tác kinh doanh CNXD. - Giữ và phát triển đại lý; hợp tác kinh doanh; - Cải tạo, nâng cấp và mở rộng kinh doanh ở các CNXD còn tiềm năng, còn trống mặt bằng.
	Bảo toàn và phát triển vốn	- Huy động vốn hiệu quả. - Tìm tổ chức tài chính để vay vốn với lãi suất cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. - Quản lý tốt tài chính, công nợ, không để xảy ra nợ xấu. - Từng bước đầu tư vào lĩnh vực tài chính, bất động sản, thương mại với việc sử dụng nguồn vốn một cách thận trọng, hiệu quả.
Chiến lược hội nhập	Chọn đối tác để liên kết, hợp tác kinh doanh	- Chọn đối tác có năng lực, kinh nghiệm để hợp tác, liên kết phát triển kinh doanh, khai thác dự án Tổng kho Xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai để đầu tư vào một số lĩnh vực liên quan đến sản phẩm hóa dầu như : Dầu nhờn, hóa chất, gas, nhựa đường, …bên cạnh xăng dầu. - Đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của khách hàng; có chính sách hỗ trợ đầu tư cho khách hàng.
	Marketing để phát triển thị trường	- Tăng cường dịch vụ sau khi bán để giữ khách hàng. - Mở rộng thị trường bán sỉ, bán lẻ xăng dầu tại Tp.HCM và các tỉnh lân cận. - Mở rộng thị trường ra các tỉnh miền Đông Nam Bộ đối với các dịch vụ khác ngoài xăng dầu.

Chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, phát triển sản phẩm mới	Phát triển các giá trị gia tăng cộng thêm cho khách hàng	- Duy trì tốt dịch vụ cung cấp vật tư, dầu nhờn, rửa xe, thay nhớt, phiếu nhiên liệu, thẻ thanh toán, sửa chữa trạm xăng, trụ bơm… - Khai thác các dịch vụ tiện ích khác tại CNXD. - Khai thác hết công suất cho thuê Cao ốc Văn phòng COMECO.
	Đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng	- Đầu tư vào công nghệ để tăng cường cho công tác quản lý và SXKD. - Chủ động chuyển hướng kinh doanh, đầu tư tại một số mặt bằng của Công ty nhằm mục tiêu phù hợp với quy hoạch của Thành phố và đạt hiệu quả kinh tế tối ưu. - Tiếp tục đầu tư thiết bị để đẩy mạnh việc bán hàng thanh toán qua thẻ. - Nghiên cứu sử dụng trụ bơm với các hình thức đa dạng hơn cho thích hợp với từng loại hình CNXD.
Chiến lược HTQTCL	Quản trị hệ thống chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO, OHSAS, 5S và 7 Tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương	- Duy trì kiểm tra, đánh giá nội bộ để đảm bảo hệ thống được vận hành thông suốt. - Thường xuyên cải tiến để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống.
	Quan tâm lợi ích của các bên liên quan	- *Đối với khách hàng* : Tạo cho khách hàng có cơ hội được phục vụ tốt; nhiều cơ hội lựa chọn sản phẩm, giá cả phù hợp, mua hàng thuận tiện, an tâm về số lượng, chất lượng. Đầu tư hỗ trợ khách hàng. - *Nhà cung ứng* : có cơ hội bán được nhiều hàng hơn, gia tăng thị phần, tăng khả năng cạnh tranh. Có cơ hội hợp tác và phát triển dịch vụ mới cùng COMECO. - *Cổ đông* : Vốn được bảo toàn và phát triển. - *Người lao động* : có việc làm và thu nhập ổn định, đời sống được cải thiện, có cơ hội thăng tiến; được làm việc trong môi trường tốt, được quan tâm bảo vệ sức khỏe - *Cộng đồng dân cư, xã hội* : Bảo vệ môi trường sống tốt hơn, làm tăng vẻ đẹp mỹ quan và văn minh đô thị, điều kiện về vật chất và tinh thần cho cộng đồng, làm công tác từ thiện, xã hội…

4. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng, CBCNV của Công ty:

- Ý thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội, ngay từ khi bắt đầu xây dựng Văn hóa doanh nghiệp năm 2007, COMECO đã đưa yếu tố "**Bảo vệ sức khỏe - Gìn giữ môi trường - Hòa hợp cộng đồng**" vào Giá trị Cốt lõi của Công ty.

- Cam kết trên của Ban lãnh đạo Công ty một lần nữa được khẳng định qua việc COMECO xây dựng và áp dụng thành **công Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001 : 2004** và **Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001 : 2007**, được Tổ chức Bureau Veritas Certification (Vương quốc Anh) cấp Giấy chứng nhận vào cuối năm 2009, đồng thời triển khai **Công cụ Nâng cao Năng suất Lao động "5S"** trong toàn Công ty.

- Đến nay, các hệ thống quản lý trên vẫn được duy trì, cải tiến thường xuyên. Qua các đợt đánh giá giám sát và đánh giá tái chứng nhận định kỳ hệ thống ISO 14001:2004 và OHSAS 18001:2007 của Bureau Veritas Certification đều cho thấy hệ thống hoạt động tốt, tiếp tục được duy trì và được cấp Giấy tái chứng nhận.

- Hưởng ứng ngày **Hiến máu nhân đạo** do Đoàn cơ sở Cơ quan Văn phòng Thành ủy tổ chức vào lúc **7h00 thứ bảy, ngày 14/4/2012,** Công ty COMECO có tất cả **84** Đoàn viên, thanh niên và NLĐ tham gia. Việc tham gia phong trào hiến máu trên đã thể hiện bản sắc Văn hóa COMECO "**nhân văn – đề cao giá trị đạo đức truyền thống"**.

- Nhằm góp phần vào việc chống biến đổi khí hậu, toàn Công ty COMECO (Tòa nhà COMECO và hệ thống các CNXD) đã hưởng ứng **Giờ trái đất**, tắt bớt các thiết bị chiếu sáng, quảng cáo. Qua đó, CBCNV Công ty nâng cao được ý thức tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục duy trì phong trào "**Cửa hàng Xăng dầu COMECO : Xanh hơn – Đẹp hơn"**, hệ thống CNXD đã được phủ xanh góp phần vào việc thực hiện phong trào "*Bảo vệ môi trường và thực hiện nếp sống văn minh, vẻ đẹp mỹ quan đô thị của Thành phố"*.

- Hưởng ứng "**Năm an toàn Giao thông"**, Ban Lãnh đạo Công ty đã phổ biến và vận động NLĐ tham gia. Tại vòng Chung kết Hội thi **"Thanh niên với văn hóa giao thông"**, Liên Chi đoàn COMECO đã đạt **Giải ba** chung cuộc.

4.1. Đối với CBCNV (NLĐ) :

COMECO luôn xem NLĐ là vốn quý, là tài sản của Công ty, các chế độ đối với NLĐ được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã ban hành các quy định, quy chế để bảo vệ lợi ích cho NLĐ như : Quy định về tài trợ học phí học tập cho NLĐ (2009), Quy định nghỉ phép thường niên (2009), Quy định đón tiếp nhân viên mới (2009), Quy định trợ cấp một lần khi nghỉ hưu (2010), Quy định về việc ngồi nghỉ trong ca làm việc của nhân viên bán hàng tại các CNXD (2010), Quy định về tổ chức sinh nhật cho CBCNV Công ty (2011), Quy định chế độ đối với NLĐ đi thi hành nghĩa vụ quân sự (2011), Quy chế trích lập và sử dụng Quỹ hỗ trợ nhà ở (2011), Quy định hoạt động của nhà ăn tập thể (2011), Quy định trả tiền lương cho những ngày hội họp, nghỉ dưỡng và tham gia phong trào (2011), Quy định chế độ cho NLĐ làm việc nơi xa (2012), Quy định ký Hợp đồng lao động với cán bộ nghỉ hưu (2012), Quy chế đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCNV Công ty (2012),…

Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm cải tiến chính sách về vật chất và tinh thần đối với NLĐ đặc biệt đối với lao động nữ : ưu tiên cho lao động nữ không phải bán xăng dầu vào ban đêm; tổ chức các buổi Hội thảo, Hội thi cho nữ CBCNV Công ty chào mừng Ngày quốc tế Phụ nữ 08/03 và Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10;…Đồng thời khuyến khích, động viên NLĐ tham gia học tập theo định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty; luôn tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết, thể hiện :

"Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống"

Với tinh thần đề cao giá trị đạo đức truyền thống, văn hóa *"COMECO nói lời cảm ơn khách hàng"* luôn được toàn thể công nhân viên tích cực thực hiện. Mục đích muốn gửi đến khách hàng sự trân trọng, lòng biết ơn sâu sắc đã tin dùng những sản phẩm và dịch vụ của COMECO.

4.2. Đối với cộng đồng và xã hội :

Thái độ của COMECO đối với cộng đồng và xã hội là :

"Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng"

Với ý thức trách nhiệm trên, trong quá trình hoạt động COMECO luôn xem việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, chăm lo cho các gia đình chính sách và chia sẻ nỗi đau là trách nhiệm và lẽ sống của mình. Ngoài việc thăm hỏi, Công ty còn thực hiện tốt chính sách đối với cộng đồng và xã hội, đóng góp số tiền: **452.464.000** đồng để xây tặng nhà tình nghĩa; thăm hỏi và tặng quà tết cho cán bộ hưu trí, gia đình chính sách, ủng hộ đồng bào nghèo, ủng hộ giúp đỡ cho các trung tâm người già neo đơn, trẻ em tàn tật và người nghèo,…

4.3. Đối với khách hàng và đối tác :

Thái độ của COMECO đối với khách hàng là :

"Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win win"

Với phương châm kinh doanh "**COMECO *vì khách hàng phục vụ***", COMECO luôn duy trì sự hợp tác, liên doanh, liên kết trên nguyên tắc thiện chí, tôn trọng lợi ích của các bên tham gia.

4.4. Đối với cổ đông và nhà đầu tư :

Là sự ổn định gắn bó lâu dài với thái độ :

"Tin cậy - Công khai - Minh bạch"

Tóm lại, vì lợi ích của các bên liên quan COMECO đặt ra mục tiêu, cam kết duy trì và thực hiện tốt hơn các nội dung nêu trên với triết lý kinh doanh :

"Đại gia đình COMECO - Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung"

VI. CÁC RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế :

Năm 2012, kinh tế thế giới diễn biến với nhiều "nốt trầm" và nhiều lần bị hạ mức dự báo tăng trưởng trong năm, khủng hoảng nợ công Châu Âu và kinh tế toàn cầu yếu kém, nỗi lo ngại về "vách đá tài chính" ở Mỹ, …Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam đã có những biện pháp quyết liệt để giải quyết những bất ổn trong nền kinh tế, trong đó lạm phát và áp lực tỷ giá là những vấn đề đầu tiên sẽ được xử lý nhằm ổn định kinh tế vĩ mô và giảm rủi ro cho nền kinh tế. Ngoài ra, Chính phủ vẫn tiếp tục sử dụng chính sách thuế, tiền tệ và lãi suất để hỗ trợ các doanh nghiệp trước những biến động kinh tế của thế giới. Do vậy, có thể thấy rủi ro biến động của nền kinh tế với COMECO là tương đối cao.

2. Rủi ro pháp luật :

Là DNNN cổ phần hóa, hoạt động của COMECO chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật chung, các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các quy phạm pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện cho phù hợp với xu thế hội nhập. Vì vậy việc thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và sự thay đổi đó ít nhiều có ảnh hưởng đến hoạt động của COMECO.

Ngoài ra, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu (ngành kinh doanh có điều kiện) về chính sách giá, tỷ giá, chính sách kinh doanh, chính sách quản lý hệ thống phân phối,… khi có những thay đổi, điều chỉnh cũng ảnh hưởng đến hoạt động của ngành và của COMECO.

Hướng tới việc mở cửa thị trường xăng dầu, Nhà nước đã ban hành một số chính sách nhằm ổn định đầu mối nhập khẩu, ổn định mạng lưới phân phối, đảm bảo dự trữ, bình ổn giá xăng dầu trong nước và không bù lỗ cho các doanh nghiệp đầu mối nhằm tăng cường sức cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong ngành.

Để giảm thiểu những rủi ro có tính chiến lược này, HĐQT và Ban TGĐ Công ty đã thường xuyên phân tích, dự báo tình hình để điều chỉnh kịp thời các kế hoạch nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh để đem lại hiệu quả kinh doanh.

3. Rủi ro cháy nổ :

Xăng dầu là vật liệu dễ cháy cho nên nguy cơ hỏa hoạn luôn luôn tiềm ẩn. Để phòng ngừa rủi ro này, COMECO luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, trang bị kiến thức PCCC cho NLĐ và mua bảo hiểm hỏa hoạn, các bảo hiểm rủi ro khác nhằm đảm bảo hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

Phần 2
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2012 :

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2000	TH NĂM 2010	TH NĂM 2011	TH NĂM 2012	TỶ LỆ (%)		TỐC ĐỘ TĂNG BQ (%)
							TH 12/ TH 11	TH 12/ TH 10	
A	B	C	1	2	3	4	5 (4/3)	6 (4/2)	7
1	Doanh thu	*Tr.đ*	394.907	3.616.801	4.732.648	4.956.451	104,73	137,04	23,47
2	Lợi nhuận sau thuế	*Tr.đ*	3.298	36.919	33.272	24.525	73,71	66,43	18,20
3	Các khoản nộp NS	*Tr.đ*	5.233	25.633	24.762	25.785	104,13	10,59	14,21
4	Cổ tức	%	-	18	18	15	83,33	83,33	

Ghi chú: *- Năm 2000 : Công ty còn là DNNN (CPH ngày 13/12/2000).*
- Số liệu kiểm toán : đến hết năm 2012; Kiểm tra thuế: đến hết năm 2010.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh nhiên liệu. Doanh thu từ mảng kinh doanh này chiếm hơn 99,56 % lợi nhuận toàn Công ty. Nguồn cung ứng xăng dầu trong năm 2012 chủ yếu là: PV Oil và Saigon Petro. Riêng đối với nhà cung ứng Petec đã có quyết định của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia chuyển về PV Oil vào đầu năm 2013.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch 2012 :

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2012	TỶ LỆ (%)
1	Doanh thu	*Tr.đ*	4.800.000	4.956.451	103,26
2	Lợi nhuận sau thuế	*Tr.đ*	22.000	24.525	111,48

Năm 2012 mặc dù nền kinh tế vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên bằng sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV Công ty COMECO đã hoàn thành vượt kế hoạch năm 2012, số liệu cụ thể như bảng trên; tốc độ tăng trưởng bình quân sau 12 năm CPH (2001 – 2012) : 18,20% (LNST). Trong năm 2012, Công ty đã đưa vào hoạt động 2 CNXD và cho thuê thêm tầng 5 Tòa nhà COMECO (đạt công suất 90%).

Bên cạnh đó, để hoàn thành kế hoạch năm 2012 toàn thể Ban lãnh đạo và CBCNV Công ty đã nỗ lực, phấn đấu hết mình bằng việc khai thác triệt để các mặt bằng hoạt động kinh doanh và đồng thời tiết giảm đến mức thấp nhất các khoản chi phí không cần thiết.

II. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban Điều hành :

1.1. Tóm tắt lý lịch Ban Điều hành :

▪ **Ông Lê Tấn Thương** : **Tổng Giám đốc.**
Năm sinh : 13/11/1971
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Anh văn,
Cử nhân QTKD,
Cử nhân Ngoại thương.

Thâm niên trong ngành : 20 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 20 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1993 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 14 năm

Từ tháng 6/1993, Ông Lê Tấn Thương là nhân viên Tổ Xuất nhập khẩu. Tháng 7/1996, Ông là nhân viên Phòng Kế hoạch. Sau đó, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Kinh doanh kiêm Quyền Trưởng phòng Kinh doanh từ 10/2000. Từ tháng 1/2001, Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh. Từ tháng 10/2010 Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó TGĐ kiêm Ủy viên HĐQT. Tháng 5/2012, Ông được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và giữ chức vụ này cho đến nay. **(Hình)**

▪ **Ông Huỳnh Nguyên Triệu : Phó TGĐ**

Năm sinh : 24/7/1953

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế,
Trung cấp Chính trị.

Thâm niên trong ngành : 32 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 32 năm

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 29 năm (làm việc tại Công ty từ 02/1981 đến nay)

Từ tháng 2/1981, Ông Huỳnh Nguyên Triệu là công nhân kỹ thuật. Năm 1983, Ông là nhân viên phòng Kế hoạch. Sau đó, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Tổ chức – Hành chính tháng 2/1984 và giữ chức vụ Trưởng phòng Vật tư – Thiết bị tháng 1/1993. Từ tháng 5/1999, Ông giữ chức Phó Giám đốc Công ty. Tháng 12/2000 Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGĐ. Tháng 04/2012, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc cho đến nay. **(Hình)**

▪ **Bà Trần Thị Hồng Lĩnh : Phó TGĐ.**

Năm sinh : 17/10/1959

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật,
Cử nhân Cao đẳng QTKD,
Trung cấp Lý luận chính trị.

Thâm niên trong ngành : 35 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 35 năm (làm việc tại Công ty từ 4/1978 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 16 năm

Từ tháng 4/1978, Bà Trần Thị Hồng Lĩnh làm nhân viên Phòng Lao động – Tiền lương. Sau đó, Bà được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Tổ chức – Hành chính tháng 7/1997 và giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính tháng 10/2000. Tháng 01/2001 đến tháng 04/2007 Bà được bầu làm Ủy viên HĐQT, từ tháng 3/2007 giữ chức vụ Phó TGĐ cho đến nay. **(Hình)**

▪ **Ông Phạm Công Quyền : Kế toán trưởng - Giám đốc Tài chính.**

Năm sinh : 19/6/1963

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Tài chính,
Cử nhân Ngoại thương.

Thâm niên trong ngành : 27 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 27 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1986 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 24 năm

Từ tháng 6/1986, Ông Phạm Công Quyền là nhân viên Kế toán Tổng hợp. Sau đó, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Kế toán tháng 6/1989. Từ tháng 1/2001, Ông

được bầu làm Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính. Tháng 04/2012, Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính cho đến nay. **(Hình)**

1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần COM của Ban TGĐ, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý khác và người có liên quan :

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN TGĐ, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM
(Tại thời điểm 25-02-2013)

ĐVTính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SLCP	NGƯỜI LIÊN QUAN	SLCP	TỔNG SLCP	TL/VĐL (%)
1	2	3	4	5	6	7 (4+6)	8
1	**Ban Tổng Giám Đốc**		**172.490**		**50.860**	**223.350**	**1,58**
1	Lê Tấn Thương	TGĐ	68.470	Vợ : Dương Thị Đài Trang	38.910	107.380	0,76
2	Huỳnh Nguyên Triệu	Phó TGĐ	18.100			18.100	0,13
3	Trần Thị Hồng Lĩnh	Phó TGĐ	85.920	Con : Trần Thị Tố Như	11.860	97.870	0,69
				Em : Trần Thị Thanh Nam	90		
II	**Kế toán trưởng**		**100.005**		**0**	**100.005**	**0,71**
1	Phạm Công Quyền	GĐTC - KTT	100.005			100.005	0,71
	TC (I + II)		**272.495**		**50.860**	**323.355**	**2,29**

2. Những thay đổi trong Ban điều hành :

Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty (Ông Lê Tấn Thương) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2011 từ ngày 01/5/2012 (nhiệm kỳ 5 năm).

3. Số lượng CBCNV và chính sách đối với người lao động :

3.1. Số lượng CBCNV :

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG CỦA COMECO NĂM 2012

SỐ TT	TIÊU CHÍ	NĂM 2011		NĂM 2012		TỶ LỆ (%)
		TỔNG LAO ĐỘNG (người)	TỶ TRỌNG (%)	TỔNG LAO ĐỘNG (người)	TỶ TRỌNG (%)	
A	B	1	2	3	4	5(3/1)
I	**Tổng số lao động**	**525**		**537**		**102**
II	**Trình độ văn hóa**					
1	Trên đại học	07	1,33	06	1,11	83,4
2	Đại học	53	10,09	57	10,61	107,5
3	Cao đẳng	20	3,80	20	3,72	100
4	Trung cấp	28	5,33	28	5,21	100
5	Cấp III	340	64,76	355	66,10	104
6	Cấp II	77	14,66	71	13,22	92
III	**Chính trị**					
1	Đảng viên	41	7,80	43	8,00	105
2	Đoàn viên thanh niên	73	13,90	62	11,50	85
3	Đoàn viên Công đoàn	435	82,80	463	86,20	106
IV	**Kinh nghiệm**					
1	NLĐ có từ 3 đến 5 năm kinh nghiệm	122	23,23	116	21,60	95
2	NLĐ có trên 5 năm kinh nghiệm	261	49,71	282	52,51	108
V	**Độ tuổi**					
1	NLĐ có tuổi đời 30 tuổi trở xuống	268	51,04	275	51,20	103
2	NLĐ có tuổi đời 31 đến 40	129	24,57	133	24,76	103

3	NLĐ có tuổi đời 41 đến 50	46	8,76	53	9,86	115
4	NLĐ có tuổi đời từ 51 trở lên	84	16,00	76	14,00	90
VI	**Cán bộ Quản lý**					
1	Khối văn phòng (từ Phó GĐ bộ phận trở lên)	13	0,02	18	0,03	138
2	Khối CNXD (Trưởng, Phó CNXD)	36	0,07	49	0,09	136

3.2. Chính sách đối với người lao động :

- Trong quá trình hoạt động, COMECO luôn xem người lao động (NLĐ) là vốn quý, là tài sản đặc biệt và không có sự đầu tư nào hiệu quả bằng đầu tư cho con người. COMECO có một đội ngũ 537 lao động có trình độ, lành nghề và tận tụy, trong đó nhiều cán bộ chủ chốt có nhiều kinh nghiệm quản lý và gắn bó lâu dài với Công ty.

- Công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực luôn được đặc biệt quan tâm, đặc biệt chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo và bổ nhiệm cán bộ trẻ. Cụ thể như sau:

+ Năm 2012, Công ty đã tổ chức đào tạo và cử đi đào tạo được 1.901 lượt người, đạt 224% kế hoạch.

+ Quy hoạch và đào tạo được 6 cán bộ dự bị cho các chức danh chủ chốt, 49 cán bộ cho cấp phòng ban, Chi nhánh, việc đào tạo và bổ nhiệm đúng theo quy hoạch.

+ Bổ nhiệm được 1 TGĐ; 1 quyền GĐ bộ phận; 2 Phó GĐ bộ phận; 1 Phụ tá GĐKD; 1 Tổ trưởng tiếp thị; 8 Trưởng CNXD; 4 Phó phụ trách CNXD; 12 Phó CNXD.

- Đồng thời, Công ty đã tổ chức cho CBCNV tham gia các khóa đào tạo an toàn nhằm nâng cao kỹ năng làm việc. Kết quả đào tạo đều đạt yêu cầu cụ thể như sau :

+ Lớp kỹ thuật an toàn vệ sinh viên : 155 người.

+ Lớp Nghiệp vụ kỹ thuật an toàn - Bảo hộ lao động : 530 người.

+ Lớp tập huấn cán bộ làm công tác an toàn lao động tại Công ty : 2 người

- Các chế độ đối với người lao động được thực hiện đầy đủ và trên mức quy định của Nhà nước. Trong điều kiện kinh doanh có nhiều khó khăn, nhưng Công ty vẫn đảm bảo thu nhập cho người lao động, đóng Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp theo đúng thời gian quy định; khi NLĐ nghỉ ốm đau, thai sản, nghỉ hưu,… đều được thanh toán kịp thời. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện các chế độ ưu đãi đối với NLĐ như : chi trợ cấp cho NLĐ khi nghỉ hưu, chi tiền cho NLĐ đi học, tặng quà sinh nhật, quà thành hôn, tặng quà Tết cho cán bộ hưu trí,…

- Bên cạnh những quan tâm về vật chất, Công ty còn thường xuyên duy trì phong trà văn thể mỹ; khen thưởng và trao học bổng Nguyễn Hữu Cảnh cho con NLĐ; tổ chức nghỉ dưỡng, tham quan du lịch: năm 2012, Công ty đã tổ chức cho 57 CBCNV có thành tích xuất sắc đi tham quan, nghỉ dưỡng tại Malaysia, 60 CBCNV đi tham quan, nghỉ dưỡng ở Đà Lạt, 36 cán bộ chủ chốt đi tham quan tìm hiểu thị trường Châu Úc, tổ chức cho 701 CBCNV và thân nhân (317 CBCNV, 384 thân nhân) đi nghỉ dưỡng Vũng Tàu;…. Tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết để NLĐ xem COMECO như gia đình thứ 2 của mình.

- Môi trường, điều kiện lao động được đảm bảo an toàn, sạch sẽ, thoáng mát; phù hợp với các tiêu chuẩn của Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004, Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 và Công cụ Nâng cao Năng suất Lao động "5S". Công tác an ninh, trật tự và an toàn PCCC được quan tâm và đầu tư đúng theo quy định, đảm bảo được an toàn cho NLĐ và cho cộng đồng.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Các khoản đầu tư :

- Năm 2012, Công ty tập trung thực hiện việc khảo sát, bố trí lại các mặt bằng tại các CNXD để lắp thêm trụ bơm, bố trí các mặt hàng cho phù hợp với thị trường; đầu tư sửa chữa các CNXD, đặc biệt là các CNXD theo phụ lục 2 (QĐ 39 của Thành phố). Tập trung hoàn thiện các hồ sơ pháp lý đất đai đối với tất cả các mặt bằng của Công ty.

- Phát triển thêm được 02 CNXD mới: CNXD số 39 tại Bến Lức-Long An (hoạt động từ 25/4/2012) và CNXD số 40 tại quận Tân Phú-Thành phố Hồ Chí Minh (hoạt động từ 28/11/2012), đạt 100% kế hoạch năm.

- Tập trung đầu tư khai thác các mặt bằng còn trống, chuyển đổi công năng, xem xét bố trí cho phù hợp và hiệu quả tối ưu.

- Về khai thác kinh doanh tại Tòa nhà COMECO: Đã khai thác 90% (còn 1 tầng).

Năm 2012, COMECO đã đầu tư và thanh quyết toán **21.697.910.143 đồng** cho các hạng mục công trình sau :

- Tổng kho :	729.668.234 đ
+ Chi phí san lấp mặt bằng giai đoạn 2 (bằng đất):	*554.658.234 đ*
+ Chi phí đo đạc :	*26.010.000 đ*
+ Chi phí khác :	*149.000.000 đ*
- Đầu tư xây mới CNXD số 29 (hoạt động KD ngày 27/4/2011):	984.153.843 đ
- Đầu tư xây mới CNXD số 35 (hoạt động KD ngày 12/11/2011):	633.980.394 đ
- Đầu tư xây mới CNXD số 36 (hoạt động KD ngày 07/12/2011):	237.415.858 đ
- Đầu tư xây mới CNXD số 37 (hoạt động KD ngày 07/01/2012):	1.245.626.299 đ
- Đầu tư xây mới CNXD số 38 (hoạt động KD ngày 16/9/2011):	465.272.727 đ
- Mua đất và xây mới CNXD số 39 (hoạt động KD ngày 25/4/2012)	11.794.721.152 đ
- Cao ốc văn phòng COMECO :	3.838.086.223 đ
+ Thanh toán chi phí thi công tầng 7, 8 ,9 :	*2.711.667.314 đ*
+ Thanh toán chi phí gói thầu phần thân Cao ốc :	*909.090.909 đ*
+ Thanh toán chi phí kiểm toán dự án Cao ốc :	*217.328.000 đ*
- Mua xe du lịch :	985.417.727 đ
- Máy móc thiết bị :	189.819.091 đ
- Đầu tư khác :	593.748.595 đ

2. Một số dự án lớn của Công ty :

2.1. Dự án xây dựng Tổng kho Xăng dầu COMECO *(đang thực hiện)* ***:***

- Địa điểm : Xã Phú Đông và xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. (Sông Nhà Bè, gần đối diện với Kho Xăng dầu Nhà Bè, Tp.HCM).

- Diện tích đất : 20ha (200.000 m^2) với 370 m chiều ngang mặt tiền sông Nhà Bè.

Công ty sẽ thực hiện đầu tư dưới nhiều hình thức để phát triển sản xuất kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất.

Hiện nay đã thực hiện một số công việc như : Hoàn tất thủ tục đền bù, nộp tiền sử dụng đất (giao đất), thi công san lấp mặt bằng,… với tổng chi phí thực hiện đến 31/12/2012 là 59,571 tỷ đồng. Trong năm 2013 dự kiến tiếp nhận nguồn đất từ Dự án nạo vét luồng Soài Rạp với chi phí dự kiến 8 tỉ đồng.

2.2. Dự án Tòa nhà COMECO *(đã thực hiện xong)****:***

2.2.1. Thông tin chính về Dự án :

- Địa điểm : Tại ngã ba Điện Biên Phủ - Nguyễn Thiện Thuật,

Số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. HCM.

- Diện tích khuôn viên : 708 m^2

- Quy mô : 10 tầng cao, sân thượng và 2 tầng hầm.

Sử dụng 3 tầng (7, 8, 9) làm văn phòng của Công ty, các tầng còn lại cho thuê, hiện đã cho thuê 90% công suất (còn 1 tầng).

- Tổng vốn đầu tư (đã bao gồm thuế GTGT): 105,227 tỷ đồng.
- Dự án đã được khởi công xây dựng vào ngày 27/12/2008.
- Lễ khánh thành và đưa vào hoạt động : ngày 09/08/2010.

2.2.2. Tòa nhà COMECO – Cao ốc xanh :

Tòa nhà COMECO được xây dựng theo các tiêu chí Cao ốc xanh với vật liệu và trang thiết bị cao cấp nhằm mục đích tiết kiệm năng lượng và sử dụng hiệu quả năng lượng tái tạo, giảm hiệu ứng nhà kính, tiết kiệm nguồn nước, chống tiếng ồn, chống ô nhiễm nguồn nước, không khí, đất, tái sử dụng và giảm các loại chất thải sinh hoạt. Việc đầu tư hướng đến tiêu chí Cao ốc xanh mang lại hiệu quả như: giúp giảm chi phí tiền điện do tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí tiền nước do xử lý tái sử dụng nguồn nước. Thông thường trung bình sẽ tiết kiệm được 30% năng lượng sử dụng, giảm 35% lượng khí thải các-bon, tiết kiệm từ 30% – 50% lượng nước sử dụng và từ 50% – 90% chi phí xử lý chất thải.

Với định hướng trên, Cao ốc Văn phòng COMECO đã thực hiện đầu tư các trang thiết bị tiên tiến, hiện đại như cách nhiệt cho tường bao xung quanh, sử dụng hệ thống cửa và kính cách nhiệt và giảm hiệu ứng nhà kính, sử dụng hệ thống điều hòa không khí biến tần thông minh, sử dụng trang thiết bị vệ sinh tiết kiệm nước, tận dụng ánh sáng tự nhiên xung quanh để giảm sử dụng điện năng, đầu tư hệ thống xử lý nước thải hiện đại để tái sử dụng nước cho vệ sinh và tưới cây, tạo mảng xanh cho cao ốc qua thiết kế ngoại thất và trang trí trong phòng làm việc, đảm bảo chất lượng không khí luôn trong lành cho mọi người sinh hoạt và làm việc tại đây.

Năm 2012 đã thanh quyết toán toàn bộ các gói thầu, kết thúc bảo hành, đưa công trình vào chế độ bảo trì. Lắp đặt hệ thống camera để giám sát đảm bảo an ninh cho Tòa nhà trong quá trình vận hành.

2.3. Một số dự án đầu tư xây dựng CNXD** (đã thực hiện xong)**:

2.3.1. Dự án CNXD số 39 :

- Hình thức đầu tư: COMECO chuyển nhượng QSDĐ và CNXD đang hoạt động.
- Địa điểm: Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.
- Diện tích đất và CNXD: 1.691 m^2
- Tổng mức đầu tư: 12,5 tỷ đồng.
- Đưa vào hoạt động: 25/4/2012.

2.3.2. Dự án CNXD số 40 :

- Hình thức đầu tư: Hợp tác với DNTN Lợi Phát thuê CNXD đang hoạt động.
- Địa điểm : 348A Thạch Lam, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM.
- Diện tích đất và CNXD: 239,9 m^2
- Tổng mức đầu tư: trả tiền thuê hàng quý.
- Đưa vào hoạt động: 28/11/2012.

2.4. Cải tạo sửa chữa hệ thống CNXD :

2.4.1. Kinh doanh nhiên liệu sinh học E5 :

Sự phát triển bền vững của một quốc gia không thể tách rời với việc phát triển kinh tế song song với bảo vệ môi trường và đặc biệt là đảm bảo an ninh năng lượng. Trong bối cảnh nhu cầu nhiên liệu gốc khoáng tăng cao trong khi nguồn cung cấp ngày càng hạn chế dẫn đến giá nhiên liệu gốc khoáng cũng tăng theo, việc đảm bảo an ninh năng lượng đang ngày càng trở nên cấp bách đối với tất cả các nước trên thế giới. Thêm vào đó, nhu cầu giảm phát thải các loại khí thải độc hại để bảo vệ môi trường, giảm chi phí y tế cho cộng đồng cũng trở nên bức thiết. Ngoài ra, việc hình thành một ngành công nghiệp nhiên liệu mới cũng sẽ giúp tạo việc làm, tạo cơ hội đầu tư và hỗ trợ phát triển nền kinh tế. Sản xuất và sử dụng nhiên liệu tái tạo nói chung và E5 nói riêng đáp ứng cả ba khía cạnh này.

Nhận thức được tầm quan trọng của nhiên liệu sinh học trong đó có xăng E5 đến sự phát triển bền vững của đất nước, đồng thời tuân thủ theo quyết định ban hành lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống của Thủ tướng Chính phủ, COMECO đã triển khai thí điểm kinh doanh xăng sinh học E5 tại một số CNXD của Công ty. Từ thành công bước đầu của chương trình, ngày 13/12/2011 nhân kỷ niệm 36 năm ngày thành lập Công ty COMECO đã chính thức triển khai kinh doanh xăng sinh học E5 tại **08 Cửa hàng xăng dầu** thuộc hệ thống của COMECO. Kế hoạch sắp tới COMECO theo lộ trình sẽ tiếp tục triển khai rộng khắp trong hệ thống CNXD của Công ty.

Việc triển khai kinh doanh xăng E5 một lần nữa thể hiện cam kết bảo vệ môi trường của COMECO, đồng thời mang đến cho khách hàng thêm sự lựa chọn khi sử dụng nhiên liệu. **(Hình)**

2.4.2. Đầu tư nâng cấp các CNXD theo tiêu chuẩn Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 :

- COMECO đã đầu tư cải tạo hệ thống thoát nước và hệ thống thu hồi hơi xăng dầu tại các CNXD để đảm bảo nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật. Bên cạnh đó, hàng năm, Công ty đều ký hợp đồng với đơn vị Nhà nước có chức năng để thực hiện kiểm nghiệm các chỉ tiêu nước thải, khí tại các CNXD COMECO và kết quả đều đạt yêu cầu.

- Đối với chất thải : hầu hết các CNXD COMECO đều có đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Ngoài ra, Công ty cũng trang bị đầy đủ phương tiện tại các CNXD để kiểm soát, phân loại chất thải sinh hoạt vào chất thải nguy hại (Việc thực hiện thu gom và xử lý chất thải tại các CNXD COMECO được thực hiện định kỳ 6 tháng/lần theo quy định).

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính :

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2010	TH NĂM 2011	TH NĂM 2012	TL SO SÁNH *(%)*	
						12/11	12/10
A	B	C	1	2	3	4(3/2)	5(3/1)
1	Tổng tài sản	*Tr.đ*	464.327	448.555	606.611	135,24	130,64
2	Vốn chủ sở hữu	*Tr.đ*	357.226	357.836	357.225	99,83	99,99
3	Vốn điều lệ	*Tr.đ*	141.206	141.206	141.206	100,00	100,00
4	Số lượng cp đang lưu hành	*Cp*	13.750.875	13.750.875	13.750.875	100,00	100,00
5	Doanh thu thuần	*Tr.đ*	3.616.801	4.732.648	4.956.451	104,73	137,04
6	Lợi nhuận từ hoạt động KD	*Tr.đ*	48.620	41.116	31.834	77,40	65,48
7	Lợi nhuận khác	*Tr.đ*	0	1.757	111	6,32	
8	Lợi nhuận trước thuế	*Tr.đ*	48.620	42.874	31.945	74,51	65,70
9	Lợi nhuận sau thuế	*Tr.đ*	36.919	33.272	24.525	73,71	66,43
10	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	*%*	18	18	15	83,33	83,33
11	Lãi cơ bản trên cp (9/4)	*Đồng*	2.697	2.420	1.784	73,72	66,11
12	Giá trị cổ phiếu trên sổ sách (2/4)	*Đồng*	25.978	26.023	25.978	99,8	100,00

Ghi chú : Số liệu kiểm toán : đến hết năm 2012; Kiểm tra thuế: đến hết năm 2010.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2010	TH 2011	TH 2012	TL SO SÁNH *(%)*	
						12/11	12/10
A	B	C	1	2	3	4(3/2)	5(3/1)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
1.1	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: *(TSLĐ/Nợ ngắn hạn)*	*Lần*	2,62	2,68	1,51	56,34	57,63
1.2	+ Hệ số thanh toán nhanh: *((TSLĐ – Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn)*	*Lần*	1,79	2,19	0,73	33,33	40,78
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
2.1	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	*Lần*	0,23	0,20	0,41	205,00	178,26
2.2	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	*Lần*	0,30	0,25	0,70	280,00	233,33
3							
3.1	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
	+ Vòng quay hàng tồn kho: *(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)*	*Vòng*	27	75	41	54,67	151,85
3.2	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	*%*	7,79	10,55	8,17	77,44	104,88
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	*%*					
4.1	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	*%*	1,02	0,70	0,49	70,38	48,47
4.2	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	*%*	10,33	9,30	6,87	73,84	66,43
4.3	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	*%*	7,95	7,42	4,04	54,51	50,85
4.4	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	*%*	1,34	0,87	0,64	73,93	47,78

3. Tình hình tài sản :

SỐ TT	KHOẢN MỤC	SỐ CUỐI NĂM *(đồng)*	SỐ ĐẦU NĂM *(đồng)*	TỶ LỆ *(%)*
A	B	1	2	3 (1/2)
1	Tài sản ngắn hạn	372.201.931.013	230.217.066.677	161,7
2	Tài sản dài hạn	234.409.397.990	218.338.162.087	107,4
	TỔNG CỘNG	**606.611.329.003**	**448.555.228.764**	**135,2**

Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 bao gồm :

SỐ TT	KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ *(đồng)*	GIÁ TRỊ CÒN LẠI *(đồng)*	TỶ LỆ *(%)*
A	B	1	2	3 (2/1)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	127.483.905.769	107.331.480.000	84,2
2	Máy móc thiết bị	13.211.049.528	2.065.358.113	15,6
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.034.703.558	5.901.333.289	32,7
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	4.764.435.792	2.507.555.604	52,6
	TỔNG CỘNG	**163.494.094.647**	**117.805.727.006**	**72,1**

Nhận xét :

- Tài sản ngắn hạn: Cuối năm 2012 tăng 161,7 % so với cuối năm 2011 chủ yếu do hàng tồn kho của Công ty tăng (tăng 455,8%), bên cạnh đó khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm 2012 cũng tăng 148,2% so với cuối năm 2011.

- Tài sản dài hạn : Trong năm 2012, Công ty đã tăng tài sản các CNXD số 29, 35, 36, 37 dẫn đến làm tăng giá trị tài sản dài hạn so với năm 2011. Các CNXD này đã giúp tăng đáng kể sản lượng và doanh thu của Công ty trong năm 2012.

4. Tình hình nợ phải trả :

SỐ TT	KHOẢN MỤC	SỐ CUỐI NĂM *(đồng)*	SỐ ĐẦU NĂM *(đồng)*	TỶ LỆ *(%)*
A	B	1	2	3 (1/2)
01	Nợ ngắn hạn	245.783.871.099	85.709.554.775	286,8
02	Nợ dài hạn	3.602.356.874	5.010.155.270	71,9
	TỔNG CỘNG	**249.386.227.973**	**90.719.710.045**	**274,9**

Nhận xét : Nợ phải trả trong năm 2012 của Công ty tăng cao chủ yếu do Công ty vay ngắn hạn để mua hàng hóa (hàng tồn kho cuối năm 2012 tăng 455,8% so với năm 2011).

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần :

1.1. Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm ngày 25-02-2013 :

SỐ TT	LOẠI CỔ PHIẾU	SLCP (cp)	THỜI GIAN HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG
1	**Cổ phiếu thường**	**12.872.185**	
2	**Cổ phiếu quỹ**	**369.753**	
3	**Cổ phiếu ESOP**	**58.000**	3 năm (29/5/2010 → 29/5/2013)
4	**Cổ phiếu bán cho các đối tác chiến lược**	**820.690**	
	Tổng Cty Dầu Việt Nam - Cty TNHH Một Thành Viên (PVOil) thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petro VN)	820.690	5 năm (23/1/2008 → 23/1/2013)
	TỔNG CỘNG	**14.120.628**	

1.2. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại :

Số lượng cổ phiếu thường đang lưu hành tại thời điểm 31-12-2012 (không bao gồm cổ phiếu quỹ: 369.753 cổ phiếu): **13.750.875 cp**

1.3. Giá trị sổ sách tại thời điểm tháng 31-12-2012 :

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{357.225.101.030\ đ}{13.750.875\ cp} = \mathbf{25.978\ đ/cp}$$

1.4. Diễn biến giá cổ phiếu COM năm 2012 :

BẢNG GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2012

MỨC ĐỘ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	CẢ NĂM
Cao nhất	28.000	27.300	25.400	28.000	28.000	31.000	29.800	31.500	30.400	28.500	27.700	30.000	31.500
Thấp nhất	24.300	24.100	22.800	24.000	24.000	26.600	27.600	28.500	27.700	26.200	27.000	25.700	22.800
Trung bình	26.100	25.500	24.200	25.400	25.400	28.800	28.800	29.600	28.800	27.200	27.200	27.600	27.200

ĐỒ THỊ GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2012

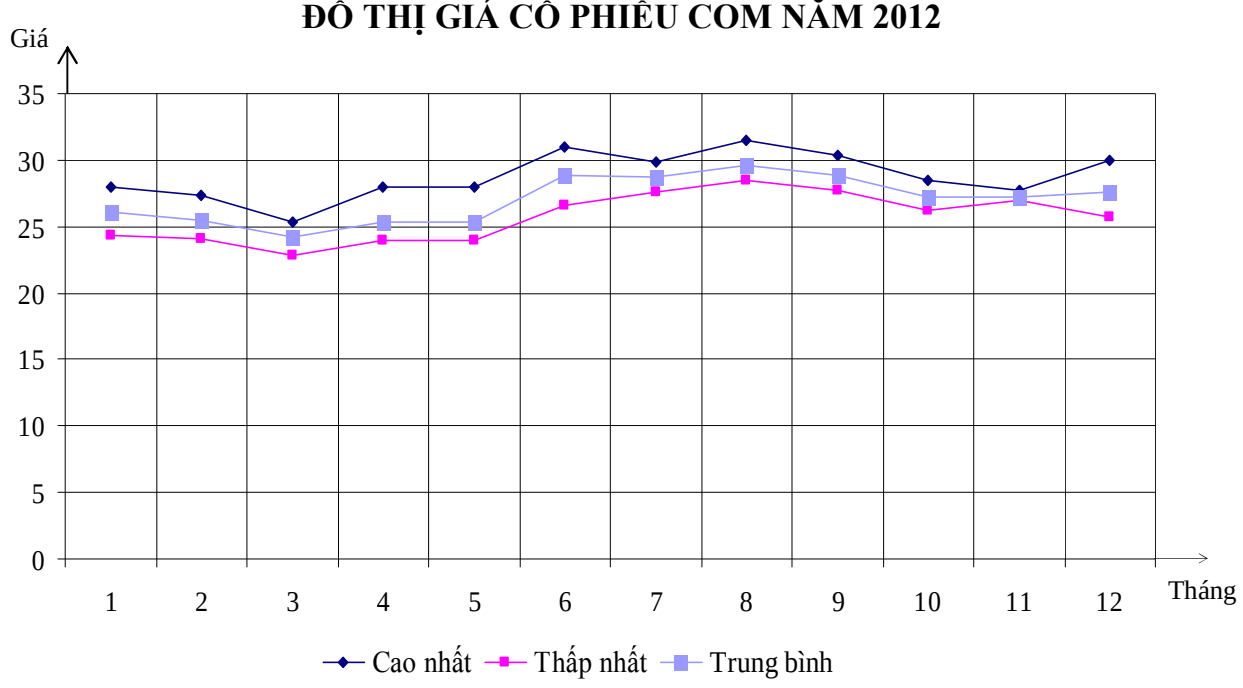

2. Cơ cấu cổ đông :

2.1. Cổ đông trong nước và nước ngoài :

SỐ TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	THỜI ĐIỂM 14/02/2012			THỜI ĐIỂM 25/02/2013			TỶ LỆ (%)
		SLCỔ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/VĐL (%)	SLCỔ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/VĐL (%)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7(5/2)
I	**Cổ đông trong nước**	**508**	**14.036.528**	**99,40**	**469**	**14.039.268**	**99,42**	**100,02**
1	Pháp nhân	11	9.853.563	69,78	9	11.231.853	79,54	113,99
2	Cá nhân	497	4.182.965	29,62	460	2.807.415	19,88	67,12
II	**Cổ đông nước ngoài**	**91**	**84.100**	**0,60**	**87**	**81.360**	**0,58**	**96,74**
1	Pháp nhân	4	8.340	0,06	3	6.630	0.05	79,50
2	Cá nhân	87	75.760	0,54	84	74.730	0,53	98,64
	TC (I + II)	**599**	**14.120.628**	**100**	**556**	**14.120.628**	**100**	**100**

2.2. Tỷ trọng cổ phiếu COM :

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM
(Tại thời điểm 25/02/2013)

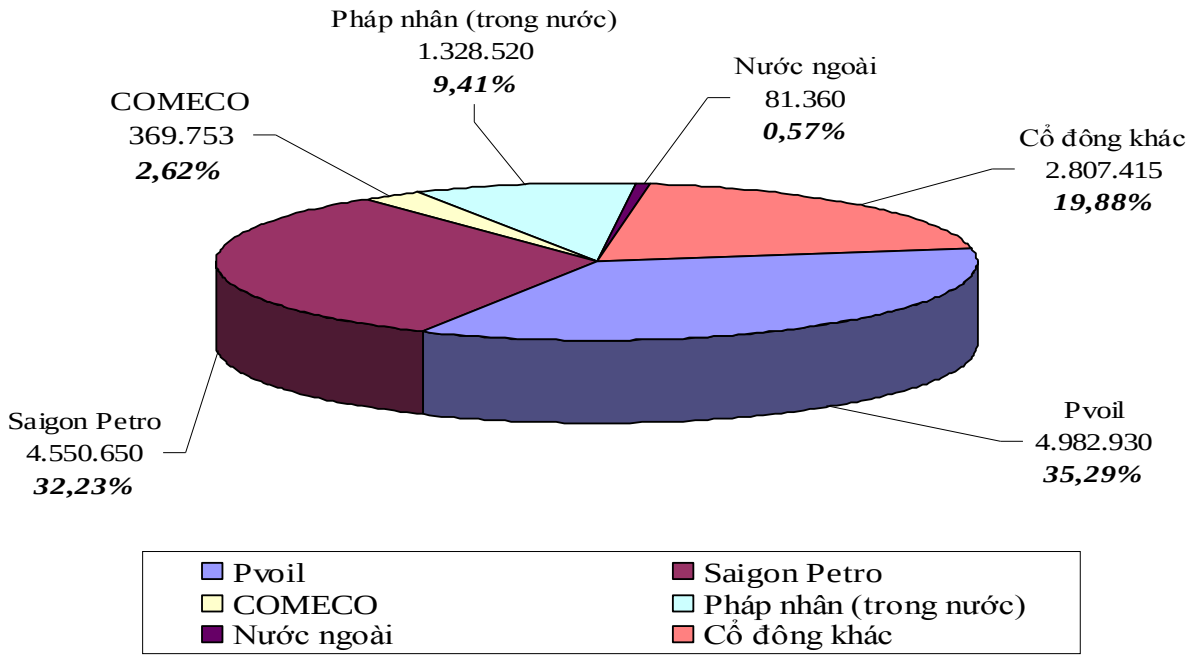

2.3. Cổ đông lớn :

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN NHẤT SỞ HỮU CP COM
(Tại thời điểm 25/02/2013)

SỐ TT	TÊN CỔ ĐÔNG LỚN	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH	CỔ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 18/9/2012		TĂNG GIẢM (cp)	CỔ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 25/2/2013	
				SL (cp)	TL (%)		SL (cp)	TL (%)
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+3)	5
1	Tổng Cty Dầu Việt Nam Cty TNHH MTV (PVOil)	Lầu 14-17 số 1-5 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM	Dầu khí	4.897.850	34,69	85.080	4.982.930	35,29
2	Cty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.HCM (Saigon Petro)	27 Nguyễn Thông, Q.3, Tp.HCM	Dầu khí	4.179.350	29,60	371.300	4.550.650	32,23
3	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, Tp.HCM	Ngân hàng	693.240	4,91	0	693.240	4,91
4	Bà Trương Đức Hạnh và người có liên quan	549 Điện Biên Phủ, Q.3, Tp.HCM	CT.HĐQT COMECO	506.750	3,59	0	506.750	3,59
5	Cty Thương mại Kỹ Thuật & Đầu tư (Petec)	194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, Tp.HCM	Dầu khí	476.620	3,38	0	476.620	3,38

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2012 : không có

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ :

- Tồn đầu kỳ 01/01/2012 : 369.753 cp
- Mua trong năm 2012 : 0 cp
- Bán trong năm 2012 : 0 cp
- Tồn cuối kỳ 31/12/2012 : **369.753 cp**

5. Các chứng khoán khác :

5.1 Thực hiện đầu tư vào các công ty có liên quan :

BÁO CÁO ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2012
(Từ ngày 01-01-2012 đến 31-12-2012)

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ CK	TỒN ĐẦU KỲ *(cp)*	MUA		BÁN		TỒN CUỐI KỲ	
				SLCP *(cp)*	T/TIỀN *(1.000đ)*	SLCP *(cp)*	T/TIỀN *(1.000đ)*	SLCP *(cp)*	T/TIỀN *(1.000đ)*
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
I	**Cổ phiếu đã niêm yết**		**1.449.767**	**105.354**				**1.551.121**	**45.505.257**
1	Cty Thương nghiệp Cà Mau	**CMV**	196.350	41.154				237.504	3.450.000
2	Cty cp Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	**HAX**	5.133					5.133	46.600
3	Cty cp Cơ khí Lữ Gia	**LGC**	279.290					279.290	7.108.897
4	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	**PMS**	176.942					176.942	3.989.625
5	Cty cp Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	**PNJ**	321.000	64.200				385.200	18.189.500
6	Cty cp Chứng khoán Sài Gòn	**SSI**	162.000					162.000	6.169.700
7	Cty cp Thương mại XNK Thủ Đức	**TMC**	264.752					264.752	5.775.685
8	Cty cp Bến xe miền Tây	**WCS**	44.300					44.300	775.250
II	**Cổ phiếu chưa niêm yết**		**1.570.465**	**1.000.000**	**10.000.000**			**2.570.465**	**26.809.774**
1	Cty cp Cà phê Petec		43.800					43.800	444.000
2	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000					200.000	2.000.000
3	Cty cp Vật tư Xăng dầu Petec		26.990					26.990	272.599
4	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000					1.000.000	10.000.000
5	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec		99.675					99.675	2.093.175
6	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000					200.000	2.000.000
7	Cty Cp Vận tải X.dầu Dầu khí Miền Nam			1.000.000	10.000.000			1.000.000	10.000.000
	TỔNG CỘNG		**3.020.232**	**1.105.354**	**10.000.000**			**4.125.586**	**72.315.031**

Ghi chú : Cách hạch toán khi bán cổ phiếu :
- Giá vốn : giá mua cổ phiếu tính theo giá bình quân.
- Giá bán : giá thị trường tại thời điểm giao dịch.
- CMV, PNJ : chia cổ tức bằng cp.
- Công ty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam : Góp vốn thành lập Công ty.

5.2. Đầu tư mua cổ phiếu :

5.2.1. Các công ty đã niêm yết :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	CMV	HAX	LGC	PMS	PNJ	SSI	TMC	WCS
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
1	**Doanh thu thuần**	*Tr.đ*	**4.405.362**	**641.366**	**142.735**	**598.359**	**6.716.770**	**849.294**	**2.181.907**	**70.348**
2	Lợi nhuận trước thuế (PBT)	*Tr.đ*	37.451	-23.345	1.154	6.798	303.988	487.259	25.103	33.052
3	**Lợi nhuận sau thuế (PAT)**	*Tr.đ*	**28.390**	**-23.346**	**857**	**5.950**	**248.554**	**465.492**	**19.943**	**24.901**
4	Tổng giá trị tài sản	*Tr.đ*	487.843	233.402	381.316	183.442	2.542.071	7.980.876	395.004	102.803
5	**Vốn chủ sở hữu**	*Tr.đ*	**149.049**	**83.007**	**150.525**	**117.077**	**1.244.604**	**5.191.573**	**185.258**	**72.388**
6	**Vốn điều lệ**	*Tr.đ*	**121.039**	**111.162**	**82.836**	**72.277**	**719.978**	**3.526.117**	**124.000**	**25.000**
7	KLCP đang lưu hành BQ	*Cp*	12.103.912	11.116.169	8.283.561	7.201.772	71.997.735	349.564.842	12.400.000	2.500.000
8	Cổ phiếu ngân quỹ	*Cp*	0	0	0	25.890	0	3.046.900	0	0
9	LN sau thuế/DT thuần (3/1)	*%*	0,64	-3,64	0,60	0,99	3,70	54,81	0,91	35,40
10	LN sau thuế/Vốn CSH (ROE) (3/5)	*%*	19,05	-28,12	0,57	5,08	19,97	8,97	10,76	34,40
11	**LN sau thuế/Vốn điều lệ (3/6)**	*%*	**23,46**	**-21,00**	**1,03**	**8,23**	**34,52**	**13,20**	**16,08**	**99,60**
12	**Thu nhập trên mỗi CP (EPS) (3/7)**	*Đồng*	**2.346**	**-2.100**	**103**	**826**	**3.452**	**1.332**	**1.608**	**9.960**
13	Giá thị trường (P) (ngày 31/12)	*Đồng*	18.500	3.400	11.000	5.700	34.600	16.300	10.900	46.000
14	Giá thu nhập (P/E) (13/12)	*Lần*	8	-2	106	7	10	12	7	5
15	Giá trị CP trên sổ sách	*Đồng*	12.314	7.467	18.172	16.257	17.287	14.852	14.940	28.955
16	Giá trị vốn hóa (31/12/2012)	*Tr.đ*	223.922	37.795	91.119	41.050	2.491.122	5.697.907	135.160	115.000

Ghi chú : - Nguồn số liệu : do các công ty cung cấp.
- Tên các Công ty niêm yết :

SỐ TT	MÃ CK	TÊN CÔNG TY	SỐ TT	MÃ CK	TÊN CÔNG TY
01	CMV	Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau	05	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận
02	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ôtô Hàng Xanh	06	SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
03	LGC	Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	07	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức
04	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	08	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây

5.2.2. Các công ty chưa niêm yết :

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	CTY CP CÀ PHÊ PETEC	CTY CP VẬT TƯ XĂNG DẦU PETEC	TỔNG CTY PETEC	CTY CP VẬN TẢI BIỂN VIỆT TÍN	CTY CP CƠ KHÍ ÔTÔ CẦN THƠ	CTY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU DẦU KHÍ MIỀN NAM	CTY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ SÀI GÒN
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
1	**Doanh thu thuần**	*Tr.đ*	**1.929.930**	**266.362**	**20.293.944**	**57.807**	**4.853**	**111.580**	**6.582.385**
2	Lợi nhuận trước thuế (PBT)	*Tr.đ*	7.262	-13.087	-844.910	-34.110	-3.849	720	12.151
3	**Lợi nhuận sau thuế (PAT)**	*Tr.đ*	**5.699**	**-13.087**	**-844.910**	**-34.110**	**-3.849**	**540**	**9.114**
4	Tổng giá trị tài sản	*Tr.đ*	229.171	42.919	5.790.272	174.157	21.576	87.655	867.537
5	**Vốn chủ sở hữu**	*Tr.đ*	**46.531**	**14.748**	**1.547.049**	**29.199**	**13.013**	**50.276**	**217.002**
6	**Vốn điều lệ**	*Tr.đ*	**30.000**	**25.500**	**2.600.000**	**67.000**	**22.194**	**50.000**	**200.000**
7	KLCP đang lưu hành BQ	*Cp*	3.000.000	2.550.000	260.000.000	6.700.000	2.219.395	5.000.000	20.000.000
8	Cổ phiếu ngân quỹ	*Cp*	0	0	0	0	0	0	0
9	LN sau thuế/DT thuần (3/1)	*%*	0,30	-4,91	-4,16	-59,01	-79,30	0,48	0,14
10	LN sau thuế/Vốn CSH (ROE) (3/5)	*%*	12,25	-88,74	-54,61	-116,82	-29,57	1,07	4,20
11	**LN sau thuế/Vốn điều lệ (3/6)**	*%*	**19,00**	**-51,32**	**-32,50**	**-50,91**	**-17,34**	**1,08**	**4,56**
12	**Thu nhập trên mỗi CP (EPS) (3/7)**	*Đồng*	**1.900**	**-5.132**	**-3.250**	**-5.091**	**-1.734**	**108**	**456**
13	Giá trị CP trên sổ sách	*Đồng*	15.510	5.784	5.950	4.358	5.863	10.055	10.850

Ghi chú : - Nguồn số liệu : Do các công ty cung cấp.

- Công ty PETEC : Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN) chuyển giao phần vốn của Tập đoàn tại Petec cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) theo Quyết định số 46/2013/QĐ-TTg ngày 05/01/2013.

5.3. Tình hình dự phòng giảm giá chứng khoán :

BẢNG DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

(Tính đến 31/12/2012)

SỐ TT	TÊN CHỨNG KHOÁN	MÃ CK	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU *(cp)*	GIÁ MUA BÌNH QUÂN *(đ/cp)*	GIÁ NGÀY 31/12/12 *(đ/cp)*	CHÊNH LỆCH ĐƠN GIÁ *(đ/cp)*	GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH *(1.000đ)*	ĐÃ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG 31/12/2010	ĐÃ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG 31/12/2011	DỰ PHÒNG TRÍCH LẬP 31/12/2012
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3**	**4 (3-2)**	**5 (1x4)**	**6**	**7**	**8**
I	**CP đã niêm yết**		**1.551.121**				**-18.327.479**	**-8.794.929**	**-6.656.900**	**-2.875.650**
1	Cty Thương nghiệp Cà Mau	**CMV**	237.504	14.526	18.500	3.974	943.824	0	0	0
2	Cty cp DV Ôtô Hàng Xanh	**HAX**	5.133	9.079	3.400	-5.679	-29.148	0	-21.962	-7.186
3	Cty cp Cơ khí Lữ Gia	**LGC**	279.290	25.453	11.000	-14.453	-4.036.707	0	-14.931	-4.021.776
4	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	**PMS**	176.942	22.548	5.700	-16.848	-2.981.056	-1.047.329	-1.739.090	-194.637
5	Cty cp Vàng bạc Đá quý PN	**PNJ**	385.200	47.221	34.600	-12.621	-4.861.580	-6.761.900	1.476.600	423.720
6	Cty cp Chứng khoán SG	**SSI**	162.000	38.085	16.300	-21.785	-3529.100	- 985.700	-2.964.600	421.200
7	Cty cp TM XNK Thủ Đức	**TMC**	264.752	21.815	10.900	-10.915	-2.889.888	0	-3.392.917	503.029
8	Cty cp Bến xe Miền Tây	**WCS**	44.300	17.500	46.000	28.500	1.262.550	0	0	0
II	**CP chưa niêm yết**		**2.570.465**				**0**	**0**	**0**	**0**
1	Cty cp Cà phê Petec		43.800	10.137	10.137	0	0	0		0
2	Cty cp Cơ khí ôtô Cần Thơ		200.000	10.000	10.000	0	0	0		0
3	Cty cp Vật tư Xăng dầu Petec		26.990	10.100	10.100	0	0	0		0
4	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000	10.000	10.000	0	0	0		0
5	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec		99.675	21.000	21.000	0	0	0		0
6	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000	10.000	10.000	0	0	0		0
7	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam		1.000.000	10.000	10.000	0	0	0		0
	TỔNG CỘNG (I + II)		**4.125.586**				**-18.327.479**	**-8.794.929**	**-6.656.900**	**-2.875.650**

Ghi chú :

- Mệnh giá : 10.000 đ/cp.
- Cột 3 : Giá các loại cổ phiếu ngày 31/12/2012 được tính như sau :
  + Cổ phiếu đã niêm yết được lấy theo giá trên sàn giao dịch.
  + Cổ phiếu chưa niêm yết được lấy theo giá mua vào.
- Tổng số đã trích lập dự phòng giảm giá cổ phiếu ngày 31/12/2010 là : 8,795 tỷ đồng. Năm 2011 trích dự phòng bổ sung là : 6,656 tỷ đồng. Năm 2012 trích lập dự phòng bổ sung là : 2,875 tỷ đồng.

Phần 3
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Phân tích những biến động – những thay đổi lớn so với dự kiến :

Năm 2012, nền kinh tế thế giới còn nhiều biến động bất thường do chưa thực sự thoát khỏi khủng hoảng kinh tế. Tình hình kinh tế trong nước mặc dù đã có sự tăng trưởng, song vẫn còn nhiều khó khăn :

- Chiết khấu hoa hồng giảm (nhiều thời điểm chỉ còn hơn 200 đồng/ lít xăng dầu) dẫn đến lợi nhuận của Công ty giảm mạnh trong thời điểm này.
- Giá xăng dầu, điện, nước, tiền thuê đất, một số vật tư nguyên liệu, lãi suất ngân hàng tăng; tỷ giá ngoại tệ biến động; giá chứng khoán giảm,…
- Thành phố tiếp tục thực hiện các dự án hạ tầng giao thông, việc phân lại luồng tuyến giao thông, tình trạng kẹt xe ảnh hưởng đến kinh doanh của các CNXD.
- Một số CNXD trong nội thành sản lượng không tăng hoặc tăng rất ít do một số đường vành đai đã thông xe nên xe lớn không vào nội thành nữa.
- Sức mua giảm mạnh, nhu cầu tiêu dùng giảm.

2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được :

Trước những khó khăn trên, Ban TGĐ cùng với tập thể CBCNV Công ty đã cố gắng triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT Công ty một cách linh hoạt, hiệu quả. Kết quả đạt được như sau :

- Tình hình kinh doanh ổn định, các chỉ tiêu kinh tế đều vượt mức kế hoạch năm 2012.
- Công tác đầu tư được tiến hành theo chiến lược của Công ty :

+ Tổng kho Xăng dầu COMECO: tiếp tục san lấp giai đoạn 2 bằng đất; chuẩn bị phương án tiếp nhận nguồn đất từ dự án nạo vét luồng Soài Rạp.

+ Đầu tư và hợp tác mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu: đưa 02 CNXD vào hoạt động.

+ Sửa chữa nâng cấp các CNXD hiện hữu.

+ Đầu tư hệ thống quản lý qua camera.

- Công tác quản lý :

+ Rà soát, bổ sung, điều chỉnh các Quy định quản lý đáp ứng nhu cầu SXKD, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

+ Luôn cố gắng đảm bảo đủ lượng hàng hóa để phục vụ nhân dân Thành phố, góp phần bình ổn thị trường và trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là tại các thời điểm khan hiếm xăng dầu.

+ Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về kinh doanh. Các đợt thanh, kiểm tra xăng dầu đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền, Công ty chưa bị nhắc nhở lần nào.

- Công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực luôn được đặc biệt chú trọng. Năm 2012, Công ty đã tổ chức đào tạo và cử đi đào tạo được 1.901 lượt người, đạt 224% kế hoạch; quy hoạch và đào tạo được 6 cán bộ dự bị cho các chức danh chủ chốt, 49 cán bộ cho cấp phòng ban, Chi nhánh, việc đào tạo và bổ nhiệm đúng theo quy hoạch; bổ nhiệm được 1 TGĐ; 1 quyền GĐ bộ phận; 2 Phó GĐ bộ phận; 1 Phụ tá GĐKD; 1 Tổ trưởng tiếp thị; 8 Trưởng CNXD; 4 Phó phụ trách CNXD; 12 Phó CNXD.
- Công tác tiết kiệm, chống lãng phí được duy trì thường xuyên.

- Công tác thông tin, báo cáo, quyết toán hàng kỳ đều được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch theo đúng quy định của các cơ quan ban, ngành.

II. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Năm 2012, Công ty đã tập trung rà soát để chỉnh sửa, bổ sung và ban hành một số Quy chế, Quy định phục vụ cho công tác quản lý và phát triển SXKD như: Quy chế Quả trị Công ty; Quy định công bố thông tin; Quy định về khuyến mại; Quy trình nhập xăng dầu; Quy chế về sáng chế, sáng kiến;...

- Có 75 Sáng kiến, Giải pháp mới (trong đó có 02 Sáng kiến, 73 GPM) được xét công nhận và khen thưởng kịp thời.

- Hệ thống QTCLTD được duy trì và cải tiến, kết quả đánh giá định kỳ Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008 và đánh giá tái chứng nhận Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004, Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp ISO 18001:2007 của Bureau Veritas Certification : Hệ thống hoạt động tốt, tiếp tục được duy trì và được cấp tái giấy chứng nhận.

- Duy trì thường xuyên việc xây dựng Văn hóa và phát triển Thương hiệu COMECO. Việc nói lời "***cảm ơn***" khách hàng (kể cả khách hàng nội bộ) đã có nhiều tiến bộ và được khách hàng đánh giá cao.

- Cơ cấu tổ chức ngày càng được kiện toàn và phát huy tốt tính hiệu quả.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2013

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 :

- Doanh thu : 5.250 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 26 tỷ đồng

2. Giải pháp thực hiện :

2.1. Nhóm giải pháp về phát triển sản xuất kinh doanh :

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến chính sách bán hàng theo hướng gia tăng chia sẻ lợi ích với khách hàng để tăng sản lượng và thị phần; đồng thời tăng cường dịch vụ hậu mãi để giữ và phát triển hệ thống Đại lý xăng dầu và các khách hàng khác.

- Duy trì và phát triển hợp tác, liên doanh khai thác kinh doanh các mặt bằng trống.

- Phát triển và quản lý hiệu quả việc kinh doanh bán phiếu nhiên liệu.

- Tăng cường kiểm soát và khai thác có hiệu quả kinh doanh dịch vụ vận chuyển của xe bồn.

- Cải tiến, nâng cao chất lượng trụ bơm điện tử COMECO.

- Thực hiện đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đặc biệt là phát triển các mặt hàng kinh doanh phù hợp với CNXD.

- Duy trì phong trào giới thiệu khách hàng mới, giới thiệu địa điểm cây xăng mới.

2.2. Nhóm giải pháp về đầu tư và phát triển khoa học công nghệ :

- Tiếp tục tìm kiếm mặt bằng để hợp tác kinh doanh, mua, thuê đất hoặc cửa hàng xăng dầu có sẵn để mở CNXD mới.

- Sửa chữa các Chi nhánh Xăng dầu phù hợp với các quy định của Nhà nước.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch chuyển hướng đầu tư tại một số mặt bằng CNXD theo quy hoạch của Thành phố hoặc chủ động chuyển hướng kinh doanh để nâng cao hiệu quả.

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng một số mặt bằng để tiếp tục đưa vào kinh doanh và liên kết kinh doanh.

- Đầu tư hỗ trợ cho khách hàng để giữ, thu hút khách hàng, đồng thời quảng bá hình ảnh Công ty, đặc biệt là hệ thống đại lý CHXD của COMECO.

- Hoàn thiện dự án tin học nhằm nâng cao tự động hóa trong quá trình công nghệ và quản lý.

- Từng bước đầu tư máy móc, trang thiết bị công nghệ cao để phục vụ cho kinh doanh và quản lý, trong đó có kinh doanh nhiên liệu sạch.

2.3. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực :

- Thực hiện đầy đủ và có chất lượng các quy định về tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ.

- Thực hiện các chương trình đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ công nhân viên để nâng cao nhận thức, khả năng nghiệp vụ nhằm nắm bắt thông tin kịp thời và thực hiện nghiệp vụ quản lý một cách hiệu quả.

- Tăng cường công tác đào tạo tại chỗ và mở rộng việc kiểm tra kiến thức đối với cán bộ quản lý, cán bộ trẻ.

- Rà soát, chỉnh sửa và bổ sung các quy định về quy hoạch, đào tạo và chính sách đào tạo.

- Cải tiến từng bước chế độ tiền lương để tiền lương thực sự là đòn bẩy để phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám.

- Duy trì tốt phong trào thi đua để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác.

- Khen thưởng động viên kịp thời.

- Tăng cường thông tin nội bộ và trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm.

- Phát triển Văn hóa COMECO, đặc biệt là văn hóa ứng xử.

2.4. Nhóm giải pháp về tổ chức và quản lý :

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức Công ty theo hướng chuyên sâu, tinh gọn; bổ sung thêm các bộ phận chuyên môn phù hợp chiến lược phát triển của Công ty.

- Quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh và công nợ. Tích cực thu hồi và giảm bớt công nợ. Đẩy mạnh công tác bán hàng trả ngay để giảm chi phí vốn và tránh rủi ro.

- Kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện các quy định, quy trình, hướng dẫn công việc; duy trì và phát triển các phong trào chống lãng phí, thực hành tiết kiệm để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Xử lý thông tin kịp thời để có quyết định kinh doanh phù hợp nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- Quản lý chặt chẽ công tác phòng cháy và huấn luyện thường xuyên công tác chữa cháy để đảm bảo an toàn kinh doanh.

- Duy trì và thường xuyên cải tiến Hệ thống quản trị của Công ty.

- Triển khai áp dụng các GPM để tiết kiệm và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Thực hiện tốt trách nhiệm cộng đồng để làm tốt công tác chính sách xã hội và kết hợp quảng bá, phát triển thương hiệu COMECO.

Năm 2013, tình hình kinh doanh xăng dầu vẫn còn nhiều biến động khó lường. Nhưng với truyền thống đoàn kết và tinh thần vượt khó cùng hướng về mục tiêu chung của Công ty, nhất định tập thể CBCNV Công ty COMECO sẽ vượt qua được khó khăn, thử thách để thực hiện hoàn thành mục tiêu kế hoạch và phát triển thương hiệu COMECO thực sự là thương hiệu của Chất lượng dịch vụ.

IV. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

1. Ý kiến 1 của kiểm toán :

" Như trình bày tại thuyết minh V.3 trang 18, Công ty TNHH Điện tử Hyundai có số nợ quá hạn 43,3 tỷ đồng (có thư bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Nhà Tp.HCM (HD Bank)). Hiện tại Công ty đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để thu hồi nợ khoản nợ này. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 30% tương đương 13 tỷ đồng".

Ban Tổng Giám đốc giải trình như sau :

Năm 2012, Công ty có gặp phải một trường hợp rủi ro trong kinh doanh: khách hàng Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam (Hyundai VN) đã lợi dụng Chứng thư bảo lãnh thanh toán của ngân hàng HD Bank – Chi nhánh Thăng Long để trì hoãn việc trả nợ tiền mua xăng dầu của COMECO cụ thể như sau:

Theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 150/HĐ-VX ngày 09/02/2012 giữa Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) và Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam, thời hạn thanh toán tiền hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên bán (COMECO) phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho mỗi đợt giao hàng. Hợp đồng trên được đảm bảo thanh toán bằng thư bảo lãnh số 1102/12/BL-HDB013 ngày 11/02/2012 của Ngân hàng Phát triển Nhà TP.HCM (HD Bank) có giá trị 50 tỷ đồng nhưng đến ngày 31/12/2012 chưa được HD Bank thanh toán thay như cam kết trong thư bảo lãnh.

Ban lãnh đạo COMECO đã nỗ lực tối đa trong việc thu hồi nợ, nhưng kết quả đạt được còn hạn chế do khách hàng thiếu thiện chí trả nợ. COMECO đã thực hiện khởi kiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank) – Chi nhánh Thăng Long (Ngân hàng bảo lãnh thanh toán số tiền mua xăng dầu cho Hyundai VN) ra toàn án để xử lý theo quy định của Pháp luật. Đồng thời, COMECO tiếp tục làm việc với Hyundai VN để thu hồi nợ và Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ theo đúng quy định.

2. Ý kiến 2 của kiểm toán :

" Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết (theo thuyết minh V.2 trang 17) chúng tôi chưa có căn cứ để xác định cần phải trích lập dự phòng hay không."

Ban Tổng Giám đốc giải trình như sau:

Do các cổ phiếu Công ty COMECO đầu tư vào các công ty chưa niêm yết không đủ thông tin về giá chứng khoán trên thị trường theo quy định để lập dự phòng. Tại Điểm 1.b, Điều 5, Phần II, Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc trích lập các khoản dự phòng : "Trường hợp không xác định được giá chứng khoán trên thị trường thì các doanh nghiệp không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán". Vì vậy, Công ty COMECO chưa trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này. Trường hợp khi có đủ cơ sở để xác định giá theo quy định của Bộ Tài chính đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết bị lỗ thì Công ty sẽ tiến hành trích lập dự phòng theo đúng quy định.

Phần 4
ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

HĐQT đã có sự phân công, phân nhiệm cụ thể đến từng thành viên và duy trì chế độ họp định kỳ để xử lý kịp thời các công việc phát sinh, duy trì hoạt động SXKD ổn định. Trong năm 2012, HĐQT của Công ty đã tổ chức 20 phiên họp HĐQT để kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, định hướng đúng đắn; nghị quyết và quyết định phù hợp, kịp thời để chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD, cho Cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

HĐQT và Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2012 mà ĐHĐCĐ thông qua.

HĐQT thực hiện đầy đủ các chức năng theo quy định của Điều lệ, giám sát tốt hoạt động của Ban Điều hành, các thành viên HĐQT đều quyết tâm và vì lợi ích Công ty trong mọi hoạt động của mình.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc nắm vững tình hình thị trường và điều kiện kinh doanh của Công ty, đã đưa ra nhiều giải pháp quan trọng để tháo gỡ khó khăn, đưa Công ty hoàn thành các chỉ tiêu SXKD.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

1. Giám sát hoạt động của Ban TGĐ :

Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch HĐQT làm việc với Ban TGĐ để trực tiếp đưa ra những chỉ đạo trong công tác SXKD và quản lý. HĐQT kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Ban TGĐ trong các công tác sau:

- Giám sát thường xuyên công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của TGĐ, đảm bảo đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2012. Cụ thể năm 2012, Doanh thu: 4.956,451 tỷ đồng, đạt 103,26%; Lợi nhuận sau thuế: 24,5 tỷ đồng, đạt 112%.

- Ban TGĐ đã thực hiện tốt các Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, có những cải tiến hợp lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch hàng năm.

- Công tác quản lý tài chính chặt chẽ, hàng năm, hàng 6 tháng đều có thực hiện kiểm tra quyết toán bởi một Công ty Kiểm toán độc lập. Thực hiện tốt chủ trương tiết kiệm của Công ty; rà soát, tiết kiệm các chi phí một cách hợp lý để duy trì sự ổn định và nâng cao ưu thế cạnh tranh.

- Triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư, đấu thầu và xây dựng cơ bản.

- Hoạt động của TGĐ luôn tuân thủ theo đúng pháp luật, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

2. Giám sát hoạt động của các cán bộ quản lý Công ty :

Cán bộ quản lý Công ty gồm có các Phó TGĐ và Kế toán trưởng.

- Các cán bộ quản lý Công ty hoạt động theo sự phân công và ủy quyền của HĐQT và TGĐ. HĐQT kiểm soát theo kết quả công việc được phân công.

- HĐQT thực hiện việc kiểm soát hoạt động của các cán bộ quản lý Công ty theo các Quy chế và Quy định đã ban hành và theo kết quả công việc được phân công.

III. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

1. Dự báo tình hình năm 2013 :

- Dự báo kinh tế nước ta tăng trưởng (khoảng 5%/năm) nhưng tốc độ phục hồi của một số ngành kinh doanh tài chính, bất động sản, chứng khoán còn chậm. Khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu vẫn tiếp tục tác động xấu đến nền kinh tế; lạm phát có thể sẽ quay trở lại mức cao. Xu hướng tiết kiệm trong tiêu dung vẫn là chủ đạo.

- Giá dầu dự báo vẫn ở mức cao; tình hình kinh doanh xăng dầu sẽ tiếp tục khó khăn do **chiết khấu hoa hồng thấp**.

- Nhiều khoản **chi phí tăng cao**: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp; giá thuê đất tăng cao (tăng khoảng 2 lần so với năm 2012); giá điện, nước tăng khoảng 50%; phí bảo trì đường bộ (mới phát sinh 2013); lãi vay ngân hàng; đồng vốn mua xăng dầu cũng tăng cao,… ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Các quy định, luật mới về Môi trường, PCCC, sức khỏe nghề nghiệp, thu gom xử lý rác thải,….làm tăng các chi phí và bắt buộc Công ty phải có kế hoạch cải tạo, sửa chữa phù hợp với quy định pháp luật của nhà nước.

- Nghị định 84/2009/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu sẽ được xem xét và sửa đổi cho phù hợp với thực tế kinh doanh.

- Chính sách vĩ mô có nhiều thay đổi: Nhà nước ban hành một số luật mới, tái cấu trúc doanh nghiệp, các chính sách bình ổn giá cả và các biện pháp kiểm tra, kiểm soát giá cả.

- UBND Tp Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 09/5/2012 ban hành quy định về sửa chữa, nâng cấp và xây dựng lại cửa hàng xăng dầu hiện hữu đã hoạt động từ ngày 16/03/2007 trở về trước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, các CNXD của Công ty thuộc diện sửa chữa nhỏ và nâng cấp cho phù hợp với quyết định nói trên. COMECO đã nộp hồ sơ xin phép sửa chữa cho các CNXD nằm trong Phụ lục 2 - Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 06/3/2007 để tiếp tục được kinh doanh xăng dầu. Việc hoàn tất các thủ tục liên quan đòi hỏi nhiều thời gian và nhân lực. Hiện nay đã có văn bản của một số quận, huyện xác nhận đạt các tiêu chí theo QĐ số 17 để Sở Công thương cấp giấy phép cho Công ty tiếp tục kinh doanh. Đối với các CNXD còn lại vẫn phải dự phòng việc thu hẹp mặt bằng và chi phí đầu tư sửa chữa sẽ tăng khá cao.

- Các dự án lớn về hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, thoát nước của Thành phố thi công kéo dài nên sẽ có rất nhiều tuyến đường trọng điểm trong nội đô làm rào chắn để thi công, do vậy sẽ ảnh hưởng lớn đến việc lưu thông và kinh doanh xăng dầu của COMECO.

2. Mục tiêu năm 2013 :

- Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tối thiểu 6%/năm so với thực hiện năm 2012 và thực hành tiết kiệm.

- Đầu tư đưa vào hoạt động tối thiểu 2 Chi nhánh Xăng dầu (CNXD) mới.

- Triển khai mở rộng kinh doanh xăng E5 trong hệ thống CNXD.

- Khai thác tối đa công suất các CNXD hiện hữu, Cao ốc Văn phòng COMECO cho thuê và các mặt bằng khác.

- Kiện toàn bộ máy tổ chức; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Đảm bảo việc làm và đời sống cho NLĐ; có các chính sách giữ và thu hút lao động chất xám, lao động kinh nghiệm một cách hiệu quả.

- Duy trì, cải tiến liên tục và áp dụng tích hợp Hệ thống Quản lý Chất lượng với 7 Tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương vào mô hình quản lý của COMECO nhằm giữ và thu hút khách hàng; giảm thiểu rủi ro; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát; nâng cao hiệu quả kinh doanh; bảo toàn và phát triển vốn; bảo vệ môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng.

- Tiếp tục xây dựng Văn hóa và phát triển thương hiệu COMECO bền vững trên thương trường.

- Lãnh đạo thực hiện tốt công tác an ninh, trật tự và an toàn cháy nổ tại đơn vị để phát triển sản xuất kinh doanh và góp phần bảo vệ trật tự an toàn xã hội.

Phần 5
QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị :

1.1. Lý lịch HĐQT :

▪ **Bà Trương Đức Hạnh : Chủ tịch HĐQT – TGĐ**

Năm sinh : 13/12/1957

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD,
Cử nhân kinh tế,
Cử nhân chính trị

Thâm niên trong ngành : 32 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 32 năm (làm việc tại Cty từ 02/1981 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 29 năm

Từ tháng 2/1981, Bà Trương Đức Hạnh là nhân viên phòng Kế hoạch. Sau đó, Bà được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Kế hoạch tháng 2/1984; giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch tháng 9/1986. Từ tháng 12/1986 đến 5/1999, Bà giữ chức Phó Giám đốc. Từ 5/1999, Bà được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Công ty và từ tháng 12/2000 làm Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ. Tháng 4/2012, Bà được bầu làm Chủ tịch HĐQT cho đến nay. **(Hình)**

▪ **Ông Trần Minh Hà : Ủy viên HĐQT**

Năm sinh : 30/3/1960

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Cử nhân chính trị

Thâm niên trong ngành : 16 năm

Từ năm 1983, Ông Trần Minh Hà công tác tại Sở Tài chính tỉnh Cửu Long. Đến năm 1992, Ông chuyển công tác đến Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh. Năm 1994, Ông làm việc tại Ban Tài chính – Quản trị tỉnh ủy Vĩnh Long. Từ năm 1997 đến nay Ông công tác tại Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.HCM, chức vụ hiện tại là Trưởng phòng Kinh doanh. Tháng 4/2012, Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay. **(Hình)**

▪ **Ông Nguyễn Ngọc Liên : Ủy viên HĐQT**

Năm sinh : 16/9/1967

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD
Cử nhân Anh văn

Thâm niên trong ngành : 23 năm

Từ năm 1990, Ông Nguyễn Ngọc Liên công tác tại Công ty Nhập khẩu thiết bị và Kỹ thuật Dầu khí (Petechim nay là Petec). Đến năm 1997, Ông làm việc ở Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex). Từ năm 2007 – 2008, Ông làm Giám đốc Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (thuộc PDC). Sau đó, Ông giữ chức vụ Giám đốc Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Miền Đông (thuộc PV Oil). Từ tháng 9/2011 đến nay, Ông là Trưởng Ban Sản phẩm Dầu – Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil). Tháng 4/2012, Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay. **(Hình)**

▪ **Ông Võ Tấn Phong** : **Ủy viên HĐQT**

Năm sinh : 07/5/1955

Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ Kinh tế
Kỹ sư Cơ khí
Cử nhân QTKD
Cử nhân Anh văn

Thâm niên trong ngành : 30 năm

Từ năm 1983 – 1987, Ông Võ Tấn Phong là cán bộ nhập khẩu thiết bị dầu khí tại Công ty Nhập khẩu thiết bị và Kỹ thuật Dầu khí (Petechim nay là Petec). Sau đó, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Nhập khẩu thiết bị. Năm 1989, Ông giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính – Kế toán và đến năm 1992 giữ chức vụ Trưởng phòng Kinh doanh Xăng dầu. Từ năm 1995 – 1999, Ông được Công ty Petec cử đi học cao học. Sau khi hoàn tất khóa học, Ông được bổ nhiệm chức vụ Trưởng Phòng Đầu tư. Năm 1999, Ông làm Giám đốc Công ty cho đến tháng 7/2011 thì chuyển công tác sang Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) và giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Thành viên đến nay. Tháng 4/2012, Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay. **(Hình)**

▪ **Ông Phạm Văn Thoại** : **Ủy viên HĐQT**

Năm sinh : 03/6/1964

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Dầu khí

Thâm niên trong ngành : 24 năm

Năm 1989, Ông Phạm Văn Thoại công tác tại Bộ phận Công nghệ Nhà máy Lọc dầu Cát Lái trực thuộc Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM (Saigon Petro). Đến năm 1991, Ông chuyển công tác sang Tổ cơ khí Nhà máy Lọc dầu Cát Lái. Từ năm 1992 – 1993, Ông được bổ nhiệm làm Tổ phó Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái và sau đó giữ chức vụ Tổ trưởng Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái vào năm 1994. Đến tháng 11/1994, Ông được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái phụ trách Bộ phận Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái. Từ tháng 12/2004 đến nay, Ông giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái. Tháng 4/2012, Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay. **(Hình)**

1.2. Cơ cấu HĐQT :

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	SLCP SỞ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỞ HỮU	GHI CHÚ
1	Trương Đức Hạnh	Chủ tịch	- UV.HĐQT Cty Cp Vận tải Việt Tín. - UV.HĐQT Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam	142.600	0	TV HĐQT độc lập
2	Trần Minh Hà	Thành viên	Trưởng phòng Kinh doanh Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM	0	1.350.200	
3	Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên	Trưởng Ban Sản phẩm Dầu Tổng Cty Dầu Việt Nam	0	2.000.000	
4	Võ Tấn Phong	Thành viên	- Thành viên HĐTV Tổng Cty Dầu Việt Nam - UV.HĐQT Cty Cp Dầu mỡ nhờn PV Oil - CT.HĐQT Cty Cp Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ	0	2.281.950	
5	Phạm Văn Thoại	Thành viên	GĐ Nhà máy Lọc dầu Cát Lái Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM	0	1.200.000	

1.3. Thay đổi thành viên HĐQT :

1.3.1. Danh sách Thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2007-2011) :

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ TẠI CTY COMECO	GHI CHÚ
1	Trương Đức Hạnh	Chủ tịch HĐQT - TGĐ	B. Hạnh tiếp tục được bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ mới (2012-2016)
2	Lê Tấn Thương	Phó TGĐ thường trực	Ô. Thương đã hết nhiệm kỳ HĐQT (2007-2011) nhưng được bổ nhiệm làm TGĐ kể từ ngày 01/5/2012
3	Huỳnh Nguyên Triệu	Phó TGĐ	Ô. Triệu đã hết nhiệm kỳ HĐQT (2007-2011) nhưng vẫn tiếp tục giữ chức vụ Phó TGĐ Công ty
4	Phạm Công Quyền	KTT	Ô. Quyền đã hết nhiệm kỳ HĐQT (2007-2011) nhưng vẫn tiếp tục giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty
5	Đinh Viết Thắng	Trưởng Ban Tin học	Ô. Thắng đã hết nhiệm kỳ thành viên HĐQT (2007-2011), tiếp tục giữ chức vụ Trưởng Ban Tin học của Công ty

1.3.2. Danh sách Thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2012-2016) từ 28/4/2012 :

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ TẠI CTY COMECO	LÝ DO
1	Trương Đức Hạnh	Chủ tịch HĐQT	Tiếp tục được bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ mới (2012-2016)
2	Trần Minh Hà	Thành viên HĐQT	- Được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới (2012-2016) - Đại diện uỷ quyền của Saigon Petro
3	Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên HĐQT	- Được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới (2012-2016) - Đại diện uỷ quyền của PV Oil
4	Võ Tấn Phong	Thành viên HĐQT	- Được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới (2012-2016) - Đại diện uỷ quyền của PV Oil
5	Phạm Văn Thoại	Thành viên HĐQT	- Được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới (2012-2016) - Đại diện uỷ quyền của Saigon Petro

2. Các tiểu ban thuộc HĐQT : chưa thành lập

3. Hoạt động của HĐQT :

Trong năm 2012 có tổng cộng 20 phiên họp của HĐQT. Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia đầy đủ, tích cực của tất cả các thành viên HĐQT; sự tham dự của TGĐ, Trợ lý Chủ tịch HĐQT, Thư ký Công ty và BKS (chỉ có 1 thành viên HĐQT vắng 1 phiên họp có lý do). Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên HĐQT.

3.1. Các cuộc họp của HĐQT :

3.1.1. Các cuộc họp của HĐQT nhiệm kỳ III (2007-2011): *từ 01/01/2012 đến 28/4/2012*

SỐ TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ (%)	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Trương Đức Hạnh	Chủ tịch	9/9	100	
2	Huỳnh Nguyên Triệu	Thành viên	9/9	100	
3	Phạm Công Quyền	Thành viên	9/9	100	
4	Lê Tấn Thương	Thành viên	9/9	100	
5	Đinh Viết Thắng	Thành viên	9/9	100	

3.1.2. Các cuộc họp của HĐQT nhiệm kỳ IV (2012-2016) : *từ 29/4/2012 đến 31/12/2012*

SỐ TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ (%)	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Trương Đức Hạnh	Chủ tịch	11/11	100	
2	Trần Minh Hà	Thành viên	11/11	100	
3	Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên	10/11	91	Nghỉ phép
4	Võ Tấn Phong	Thành viên	11/11	100	
5	Phạm Văn Thoại	Thành viên	11/11	100	

3.2. Các nội dung chính và kết quả của các cuộc họp HĐQT :

Năm 2012, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty đã tổ chức 20 phiên họp và thông qua các nội dung chính như sau:

SỐ NQ	NGÀY	NỘI DUNG	KẾT QUẢ THỰC HIỆN
01	21/01/2012	- Thống nhất Báo cáo Tài chính và kết quả thực hiện SXKD của Công ty năm 2011. - Thống nhất Kế hoạch TC-SXKD năm 2012. - Thống nhất mức đơn giá tiền lương áp dụng trong Công ty năm 2012. - Thống nhất mức đóng BHXH, BHYT, BHTN cho Người lao động trong Công ty năm 2012. - Thống nhất kế hoạch ĐHĐCĐ năm tài chính 2011. - Thống nhất Bản vẽ Quy hoạch Tổng mặt bằng Tổng kho Xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai được lập bởi Công ty Cp Tư vấn Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh phía Nam, tháng 01/2012.	- Đã thực hiện - Đã thực hiện - Đã thực hiện - Đã thực hiện - Đã thực hiện - Đã thực hiện
02	15/02/2012	Thông qua Dự thảo Hợp đồng mua CHXD mới tại Bến Lức, tỉnh Long An.	Không thực hiện được
03	23/02/2012	Thống nhất mở CNXD số 39 và cử người đứng đầu Chi nhánh tại QL 1A, ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.	Đã thực hiện
04	01/03/2012	- Thống nhất một số nội dung văn kiện ĐHĐCĐ năm tài chính 2011 (lần 1). - Thống nhất bổ nhiệm cán bộ chủ chốt Công ty.	- Đã thực hiện - Đã thực hiện
05	21/03/2012	- Thống nhất các nội dung văn kiện ĐHĐCĐ năm tài chính 2011 (lần 2). - Phân công thực hiện các công việc của ĐHĐCĐ.	- Đã thực hiện - Đã thực hiện
06	29/03/2012	Xem xét lại thời gian bổ nhiệm chức danh TGĐ	Đã thực hiện
07	20/4/2012	- Thống nhất các nội dung văn kiện ĐHĐCĐ năm tài chính 2011 (lần sau cùng). - Thống nhất bổ nhiệm chức danh TGĐ Công ty. - Họp trù bị ĐHĐCĐ và thành phần tham gia.	- Đã thực hiện - Đã thực hiện - Đã thực hiện
08	25/04/2012	Thống nhất các nội dung của Báo cáo kết quả thực hiện SXKD Quý I/2012.	Đã thực hiện
09	27/04/2012	- Thống nhất các nội dung liên quan đến việc thành lập Công ty con trực thuộc kinh doanh nhiên liệu.	Đang thực hiện
10	04/05/2012	- Thống nhất kết quả bầu bà Trương Đức Hạnh làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV (2012 - 2016) của Công ty Cp Vật tư – Xăng dầu (COMECO). - Thông qua mức thù lao chi trả cho từng thành viên HĐQT, BKS năm 2012. - Thống nhất cử bà Trần Thị Hồng Lĩnh - Phó TGĐ Công ty kiêm Trợ lý Chủ tịch HĐQT	- Đã thực hiện - Đã thực hiện - Đã thực hiện

11	30/05/2012	Thống nhất tiếp tục chi cổ tức bằng tiền mặt đợt 3/2011: 9%/VĐL vào đầu tháng 7/2012.	Đã thực hiện
12	07/06/2012	Thống nhất cách thức thực hiện để thu hồi công nợ của Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam (có Chứng thư bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Tp.HCM (HD Bank) – Chi nhánh Thăng Long)	Đang thực hiện *(Xem chi tiết ở Phần 3 mục V của báo cáo này)*
13	29/06/2012	- Thông qua nội dung phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT nhiệm kỳ (2012 - 2016) - Thống nhất cử bà Nguyễn Cát Phương Yên làm Thư ký Công ty. - Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán. - Thống nhất cử bà Trần Thị Hồng Lĩnh, Phó TGĐ Công ty làm người công bố thông tin của Công ty.	- Đã thực hiện - Đã thực hiện - Đã thực hiện - Đã thực hiện
14	07/07/2012	Thống nhất giải tỏa điều kiện chuyển nhượng 416.875 cổ phiếu ESOP của COMECO đã phát hành.	Đã thực hiện
15	20/07/2012	- Thống nhất thông qua Báo cáo Tài chính Quý II/2012 và 6 TĐN 2012 (chưa soát xét) của Công ty. - Thống nhất thông qua Tờ trình về việc ký hợp đồng vay vốn tại các ngân hàng. - Thống nhất thông qua Tờ trình của Ban điều hành về khởi kiện để thu hồi nợ.	- Đã thực hiện - Đã thực hiện - Đang thực hiện
16	30/08/2012	- Thống nhất chi cổ tức đợt 1/2012: 7%/VĐL bằng tiền mặt. - Thống nhất rà soát lại Dự thảo Quy chế quản trị Cty.	- Đã thực hiện
17	22/10/2012	- Thống nhất thông qua Báo cáo Tài chính Quý III/2012 của Công ty. - Thống nhất thông qua kết quả thẩm định giá một số mặt bằng Q.1, TP.HCM đối với mặt bằng số 11 Cao Bá Nhạ, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, Tp.HCM và mặt bằng số 85 Nguyễn Cư Trinh, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, Tp.HCM.	- Đã thực hiện - Đã nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước cho mặt bằng số 11 Cao Bá Nhạ. Mặt bằng số 85 Nguyễn Cư Trinh đang chờ QĐ phê duyệt giá của UBND TP.
18	12/11/2012	- Thống nhất điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2012. - Thống nhất việc tiếp nhận đất nạo vét luồng Soài Rạp để san lấp mặt bằng Tổng kho Xăng dầu COMECO. - Thống nhất thông qua việc mở Chi nhánh số 40 và cử người đứng đầu Chi nhánh tại số 348A Thạch Lam, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM	- Đã thực hiện - Đang thực hiện - Đã thực hiện
19	28/11/2012	- Thống nhất kết quả thẩm định giá mặt bằng 25/20 Cống Quỳnh, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM. - Thống nhất thông qua Quy định công bố thông tin.	- Đang chờ QĐ phê duyệt giá của UBND TP. - Đã ban hành Quy định
20	18/12/2012	- Thống nhất thông qua việc mở Chi nhánh số 41 và cử người đứng đầu Chi nhánh tại số 456A Đại Lộ Bình Dương, Khu phố Nguyễn Trãi, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương - Thống nhất phương thức xác định thu nhập tính lương để trích quỹ lương năm 2012.	- Đã thực hiện - Đã thực hiện

4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập :

Xét theo 5 điều kiện của thành viên HĐQT độc lập trong Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính thì HĐQT của COMECO có 1 thành viên đáp ứng theo quy định. Đó là Bà Trương Đức Hạnh – Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV (2012 – 2016).

Chủ tịch HĐQT – thành viên HĐQT độc lập hoạt động theo quy định của pháp luật, theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo các quy định khác của Công ty.

HĐQT nhiệm kỳ IV (2012 – 2016) đã phân công nhiệm vụ cho Bà Trương Đức Hạnh - Chủ tịch HĐQT (Nghị quyết 13-12/NQ-HĐQT ngày 29/6/2012) như sau :

- Lãnh đạo, điều hành chung hoạt động của HĐQT.

- Quản lý chung các hoạt động kinh doanh của Công ty theo thẩm quyền của HĐQT.

- Quản lý, giám sát chung công tác nhân sự và công tác quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực.

Năm 2012, với vai trò là thành viên HĐQT độc lập, Bà Trương Đức Hạnh - Chủ tịch HĐQT đã tổ chức tốt các phiên họp định kỳ và đột xuất để triển khai toàn bộ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và ban hành các Nghị quyết của HĐQT : đưa ra các định hướng, chủ trương đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch, công khai. Chủ tịch HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát, phản biện một cách khách quan giúp hoạt động của HĐQT ngày càng hiệu quả hơn cũng như bảo vệ sự công bằng cho cổ đông nhỏ và quyền lợi của cổ đông.

Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch HĐQT làm việc với Ban TGĐ để trực tiếp đưa ra những chỉ đạo trong công tác SXKD và quản lý. Chủ tịch cùng với các thành viên HĐQT khác đã giám sát hoạt động của Ban TGĐ để Ban TGĐ thực hiện tốt các Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Chủ tịch HĐQT cũng đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho TGĐ thực hiện tốt nhiệm vụ điều hành Công ty hoàn thành kế hoạch năm 2012.

5. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT : chưa thành lập

6. Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty : 9/9 người.

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát :

1.1. Lý lịch BKS :

BKS gồm 3 người đều là thành viên độc lập không điều hành :

▪ **Ông Lê Văn Nghĩa : Trưởng BKS**

Năm sinh : 05/7/1966

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán.

Thâm niên trong ngành : 3 năm

Từ tháng 5/1990, Ông Lê Văn Nghĩa công tác tại Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy Việt Nam (Bộ GTVT) với các chức danh Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình Đường thủy Miền Trung) và Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình 86). Tháng 10/2000, Ông chuyển công tác sang Bộ Tài chính và giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Thanh tra, sau đó làm Phó Trưởng Thanh tra Bộ Tài chính tại Tp.HCM. Từ tháng 5/2007, Ông làm việc tại Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt

Nam (Chi nhánh HCM), phụ trách Phòng Kế hoạch & Tiền Lương, sau đó là Trưởng phòng Thẩm định & Quản lý rủi ro. Tháng 9/2010, Ông làm việc tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (Chi nhánh HCM) với chức danh Phó GĐ cho đến tháng 02/2011. Sau đó, Ông công tác tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ; đến tháng 8/2012, Ông được bổ nhiệm làm Trưởng Ban Ban Kiểm soát Nội bộ cho đến nay. Tháng 4/2012, Ông được bầu làm Trưởng BKS COMECO cho đến nay. **(Hình)**

▪ **Bà: Trần Thị Phương Khanh : Ủy viên BKS.**
Năm sinh : 21/9/1973
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán,
Cử nhân Luật.
Thâm niên trong ngành : 14 năm

Từ năm 1995 – 1999, Bà Trần Thị Phương Khanh làm Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán A&C. Sau đó, Bà chuyển công tác đến Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.HCM với chức danh nhân viên Kế toán. Năm 2001, Bà được bổ nhiệm làm Phó phòng Kế toán cho đến nay. Tháng 4/2012, Bà được bầu làm ủy viên BKS COMECO cho đến nay. **(Hình)**

▪ **Bà Nguyễn Cát Phương Yên : Ủy viên BKS.**
Năm sinh : 25/10/1983
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Anh Văn,
Cử nhân QTKD.
Thâm niên trong ngành : 4 năm
Thời gian gắn bó với Công ty : 4 năm (làm việc tại Công ty từ 6/2009 đến nay)

Từ tháng 8/2007 – 8/2008, Bà Nguyễn Cát Phương Yên là nhân viên điều phối Marketing, Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam). Từ tháng 9/2008 – 5/2009, Bà làm việc tại Công ty TNHH Tài Ngân với chức danh Trợ lý kinh doanh. Tháng 6/2009, Bà tham gia vào Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO), là nhân viên Quản trị chất lượng toàn diện (QTCLTD). Tháng 4/2011, Bà được bổ nhiệm làm Trợ lý HĐQT. Tháng 4/2012, Bà được bầu làm ủy viên BKS COMECO và giữ chức vụ Trợ lý Trưởng Ban QTCLTD và Thư ký Công ty cho đến nay. **(Hình)**

1.2. Cơ cấu BKS :

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	SLCP SỞ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỞ HỮU
1	Lê Văn Nghĩa	Trưởng ban	Trưởng Ban KS nội bộ Tổng Cty Dầu Việt Nam	10	0
2	Trần Thị Phương Khanh	Thành viên	Phó phòng TCKT Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM	0	1.200.000
3	Nguyễn Cát Phương Yên	Thành viên		0	0

1.3. Thay đổi thành viên BKS :

1.3.1. Danh sách thành viên BKS cũ – nhiệm kỳ III (2007-2011) :

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ TẠI CTY COMECO	LÝ DO
1	Lê Khắc Hồng Lan	Không có	B. Lan đã hết nhiệm kỳ BKS (2007-2011), hiện không giữ chức vụ trong Công ty
2	Nguyễn Hữu Hoàng	Phó GĐTC	Ô. Hoàng đã hết nhiệm kỳ BKS (2007-2011), tiếp tục giữ chức vụ Phó GĐ Tài chính của Cty
3	Phạm Văn Khoa	GĐ Đầu tư	Ô.Khoa đã hết nhiệm kỳ BKS (2007-2011), tiếp tục giữ chức vụ GĐ Đầu tư của Công ty

1.3.2. Danh sách Thành viên BKS mới – nhiệm kỳ IV (2012-2016) :

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ TẠI CTY COMECO	LÝ DO
1	Lê Văn Nghĩa	Trưởng ban	- Được bầu làm Trưởng BKS nhiệm kỳ IV (2012-2016) - Đại diện uỷ quyền của PV Oil
2	Trần Thị Phương Khanh	Thành viên	- Được bầu làm thành viên nhiệm kỳ IV (2012-2016) - Đại diện uỷ quyền của Saigon Petro
3	Nguyễn Cát Phương Yên	Thành viên	Được bầu làm thành viên nhiệm kỳ IV (2012-2016)

2. Hoạt động của BKS :

Ban Kiểm soát mới (nhiệm kỳ 2012-2016) được bổ nhiệm từ ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2011 (ngày 28/04/2012), với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Luật Doanh nghiệp và trong điều lệ Công ty. Trong thời gian qua BKS đã tiến hành thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tìm hiểu khái quát về toàn bộ hoạt động của Công ty.

- Tập hợp toàn bộ các Quy chế, Quy định hiện hữu được ban hành bởi HĐQT và Ban Điều hành đang áp dụng tại Công ty. Trên cơ sở các đó, BKS nghiên cứu và góp ý cùng với Ban điều hành từng bước hoàn thiện các Quy chế, Quy định của Công ty.

- Thẩm tra lại Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN), đồng thời đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2012.

- Tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT cùng với Ban điều hành, qua đó nắm bắt kịp thời thông tin về tình hình quản trị điều hành, kết quả hoạt động SXKD của Công ty. BKS kịp thời có ý kiến góp ý về phương hướng hoạt động, về việc chấp hành luật pháp, chấp hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Phối hợp với Ban điều hành trong công tác rà soát kiểm tra tính pháp lý của các hợp đồng bán hàng, việc thực hiện và quản lý công nợ bán hàng, việc thực hiện và chấp hành các chính sách bán hàng, công tác quản lý hàng hóa và quyết toán chi phí, xem xét kế hoạch đầu tư và tình hình thực hiện đầu tư về tính pháp lý, hiệu quả và tình hình cân đối nguồn vốn.

- Thường xuyên theo dõi, rà soát xem xét tính hợp lý, hợp pháp của việc ban hành Nghị quyết của HĐQT, nhằm bảo đảm sự hợp lý, đúng đắn và vì quyền lợi của Công ty. Kiểm tra giám sát các quy định nội bộ hiện hành để kiến nghị điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện kinh doanh trong bối cảnh hiện nay và các quy định của pháp luật.

- Hàng quý tổ chức họp BKS, soát xét Báo cáo tài chính và kết quả hoạt động SXKD (trong năm 2012 BKS đã tiến hành 4 cuộc họp).

3. Các ý kiến nhận xét của Ban Kiểm soát :

3.1. Về công tác kế toán – tài chính :

- Sau khi xem xét, thẩm tra, BKS đồng ý với Báo cáo kiểm toán số 63/BCKT/TC ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần Vật tư – Xăng dầu (đính kèm).

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý.

- Công ty thực hiện tốt chế độ công bố thông tin định kỳ và thông tin kịp thời theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3.2. Về hoạt động của HĐQT và TGĐ :

3.2.1 HĐQT :

- HĐQT nhiệm kỳ IV năm 2012 – 2016 (do ĐHĐCĐ bầu ngày 28/4/2012) đã nắm bắt kịp thời tình hình quản lý điều hành mọi hoạt động của Công ty; đã tổ chức triển khai toàn bộ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và ban hành các Nghị quyết chỉ đạo thực hiện đúng với chức năng và quyền hạn của HĐQT; có nội dung phù hợp với chủ trương, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- BKS nhận định HĐQT trong năm 2012 đã hoàn thành tốt trách nhiệm điều hành của mình theo Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định pháp luật có liên quan.

3.2.2 Ban điều hành :

- Công tác quản lý và điều hành của Ban điều hành Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

- BKS nhận định trong năm 2012, Ban điều hành đã thể hiện rõ nỗ lực rất lớn trong việc dẫn dắt Công ty vượt qua những khó khăn, thách thức của nền kinh tế cả nước nói chung và trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu nói riêng; kết quả Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao trong năm 2012.

III. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN TGĐ

- HĐQT, BKS và Ban TGĐ Công ty cùng hành động vì mục tiêu chung là sự ổn định và phát triển của Công ty.

- Trong các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của đầy đủ của các thành viên BKS, TGĐ , Phó TGĐ – Trợ lý Chủ tịch HĐQT và Thư ký Công ty. Các ý kiến thảo luận của BKS, TGĐ đều được ghi nhận và đánh giá cao tinh thần góp ý cho các hoạt động của Công ty.

- Những nội dung Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến hoạt động của BKS và điều hành của Ban TGĐ được gửi đến BKS và Ban TGĐ để cùng phối hợp thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS và Ban TGĐ có quyền và có trách nhiệm đề xuất với HĐQT những giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Ban TGĐ thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty kịp thời cho HĐQT ra các Nghị quyết thực hiện hiệu quả.

IV. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGĐ VÀ BKS

1. Thù lao cho HĐQT và BKS :

Năm 2012 đã thực hiện chi thù lao cho HĐQT và BKS theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua ngày 28-4-2012 như sau :

- Thù lao cho HĐQT : 300.000.000 đ (BQ : 5 triệu đồng/người/tháng)
- Thù lao cho BKS : 108.000.000 đ (BQ : 3 triệu đồng/người/tháng)

Tổng cộng năm 2012 : 408.000.000 đ.

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan :

ĐVTính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2012	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2012	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	5
I	**Hội Đồng Quản Trị**			**506.750**	**6.832.150**	**0**	**7.338.900**	**51,97**	
1	Trương Đức Hạnh	CT HĐQT		142.600	0	0	142.600	1,01	
	Cá nhân								
	Trương Kỳ Đức		Cha ruột						
	Lê Thị Thanh Quí		Mẹ ruột						Đã mất
	Trương Đức Thọ		Em ruột						Đã mất
	Trương Đức Phượng		Em ruột	364.150	0	0	364.150	2,58	
	Nguyễn Quốc Hải		Con ruột						
	Nguyễn Quốc Việt		Con ruột						
	Tổ chức								
	Cty Cp Vận tải Việt Tín	UV. HĐQT							
	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam	UV.HĐQT							
2	**Trần Minh Hà**	**UV.HĐQT**		0	1.350.200	0	1.350.200	9,56	Đại diện sở hữu
	Cá nhân								
	Trần Văn Hoàng		Cha ruột						
	Lê Thị Ngọc Huệ		Mẹ ruột						
	Trần Minh Hải		Anh ruột						
	Trần Thị Ngọc Bích		Em ruột						
	Nguyễn Thị Minh Đức		Vợ						
	Trần Minh Duy		Con ruột						
	Trần Minh Đức Duy		Con ruột						
	Tổ chức								
	Cty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (*)	TP. Kinh doanh		3.750.200	800.450	0	4.550.650	32,23	
3	**Nguyễn Ngọc Liên**	**UV.HĐQT**		0	2.000.000	0	2.000.000	14,16	Đại diện sở hữu
	Cá nhân								
	Nguyễn Ngọc Cư		Cha ruột						Đã mất
	Nguyễn Thị Bích Ngọc		Mẹ ruột						
	Nguyễn Thị Việt Nga		Em ruột						
	Nguyễn Thị Thu Thanh		Vợ						
	Nguyễn Ngọc Liên Anh		Con ruột						
	Nguyễn Ngọc Anh		Con ruột						
	Tổ chức								
	Tổng công ty Dầu VN (**)	Trưởng Ban SP Dầu		4.281.950	673.890	0	4.955.840	35,10	
4	**Võ Tấn Phong**	**UV.HĐQT**		0	2.281.950	0	2.281.950	16,16	Đại diện sở hữu
	Cá nhân								
	Võ Thị Hớn		Mẹ ruột						
	Võ Tấn Cảnh		Em ruột						
	Mai Quốc Hoa		Vợ						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2012	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2012	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	5
	Võ Mai Trung		Con ruột						
	Võ Mai Đức Anh		Con ruột						
	Tổ chức								
	Tổng công ty Dầu VN (**)	Thành viên HĐTV		4.281.950	673.890	0	4.955.840	35,10	
	Cty CP Dầu mỡ nhờn PV Oil	UV.HĐQT							
	Cty CP Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ	Chủ tịch HĐQT							
5	**Phạm Văn Thoại**	**UV.HĐQT**		0	1.200.000	0	1.200.000	8,50	Đại diện sở hữu
	Cá nhân								
	Phạm Văn Hoa		Cha ruột						
	Đoàn Thị Bon		Mẹ ruột						
	Phạm Văn Thông		Anh ruột						Đã mất
	Phạm Văn Thái		Anh ruột						
	Phạm Thị Hồng Thúy		Chị ruột						
	Phạm Văn Thành		Anh ruột						
	Phạm Thị Hồng Thoa		Chị ruột						Đã mất
	Phạm Văn Thắng		Em ruột						
	Phạm Thị Phương Thảo		Em ruột						
	Ng Thị Hồng Hạnh		Vợ						
	Phạm Gia Bảo		Con ruột						
	Tổ chức								
	Cty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (*)	GĐ NM Lọc dầu Cát Lái		3.750.200	800.450	0	4.550.650	32,23	
II	**Ban TGĐ, Người công bố thông tin**			**448.820**	**0**	**225.470**	**223.350**	**1,58**	
1	**Lê Tấn Thương**	**TGĐ**		68.470	0	0	68.470	0,48	
	Lê Phúng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Miến		Mẹ ruột						
	Lê Thị Văn		Chị ruột						
	Lê Thị Mỹ Lệ		Chị ruột						
	Lê Tấn Hải		Em ruột						
	Lê Thị Thu Vân		Em ruột						
	Lê Tấn Tiên		Em ruột						
	Dương Thị Đài Trang		Vợ	38.910	0	0	38.910	0,27	
	Lê Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Lê Ngọc Minh Tú		Con ruột						
2	**Huỳnh Nguyên Triệu**	**Phó TGĐ**		142.780	0	124.680	18.100	0,13	
	Huỳnh Văn Trị		Cha ruột						Đã mất
	Nguyễn Tân Kiều		Mẹ ruột						
	Nguyễn Thị Lùng		Vợ	88.810	0	88.810	0	0	
	Huỳnh Anh Tuấn		Con ruột						
	Huỳnh Thị Trâm Anh		Con ruột						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2012	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2012	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	5
3	**Trần Thị Hồng Lĩnh**	**Phó TGĐ, người CBTT**		85.920	0	0	85.920	0,61	
	Trần Quang Kéo		Cha ruột						
	Lê Thị Kim Lụa		Mẹ ruột						
	Trần Thị Hồng Thái		Em ruột						
	Trần Quốc Nguyên		Em ruột						
	Trần Thị Thanh Kim		Em ruột						
	Trần Thị Hồng Chỉ		Em ruột						
	Trần Thị Thanh Nam		Em ruột	11.860	0	0	11.860	0,08	
	Trần Thị Tố Như	Phó GĐKD	Con ruột	12.070	0	11.980	90	0,0006	
III	**Kế toán trưởng**			**140.005**	**0**	**40.000**	**100.005**	**0,71**	
1	**Phạm Công Quyền**	**GĐTC – KTT**		100.005	0	0	**100.005**	0,71	
	Cá nhân								
	Phạm Công Đào		Cha ruột						Đã mất
	Huỳnh Thị Thoa		Mẹ ruột						Đã mất
	Phạm Chí Thành		Anh ruột						
	Phạm Chí Toại		Anh ruột						
	Phạm Thị Phượng		Chị ruột						
	Phạm Thị Hằng Nga		Chị ruột						
	Phạm Công Danh		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Dung		Em ruột						
	Vũ Bích Ngọc		Vợ	40.000	0	40.000	0	**0**	
	Phạm Công Tuấn Kiệt		Con ruột						
	Phạm Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Phạm Công Tuấn Kiên		Con ruột						
	Tổ chức								
	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam	Trưởng BKS							
IV	**Ban Kiểm Soát, Thư ký Công ty**			**0**	**1.200.010**	**0**	**1.200.010**	**0,00007**	
1	**Lê Văn Nghĩa**	**Trưởng BKS**		0	10	0	10	0,00007	
	Cá nhân								
	Lê Văn Dũng		Cha ruột						Đã mất
	Nguyễn Thị Lê		Mẹ ruột						
	Lê Thị Liên		Chị ruột						
	Lê Văn Quân		Anh ruột						
	Nguyễn Thị Hà		Vợ						
	Lê Đức Trung		Con ruột						
	Lê Đức Hiệp		Con ruột						
	Tổ chức								
	Tổng Công ty Dầu VN (**)	Trưởng Ban KS nội bộ		4.281.950	673.890		4.955.840	35,10	

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2012	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2012	TL/VĐL *(%)*	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	5
2	**Trần Thị Phương Khanh**	**UV.BKS**		0	1.200.000	0	1.200.000	8,50	Đại diện sở hữu
	Cá nhân								
	Trần Văn Trọng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Lài		Mẹ ruột						
	Trần Thị Phương Thảo		Chị ruột						
	Trần Thị Phương Dung		Em ruột						
	Đoàn Thanh Việt		Chồng						
	Đoàn Khánh Quỳnh		Con ruột						
	Đoàn Hải Đăng		Con ruột						
	Tổ chức								
	Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (*)	Phó phòng TCKT		3.750.200	800.450	0	4.550.650	32,23	
	Công ty CP Dầu khí Saigon Phú Yên	Trưởng Ban Kiểm soát	0						
3	**Ng Cát Phương Yên**	**UV.BKS, Thư ký Cty**	0	0	0	0	0		
	Nguyễn Minh Thuấn		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Đẹp		Mẹ ruột						
	Nguyễn Vĩnh Duy		Anh ruột						
	Nguyễn Trọng Tuyên		Em ruột						
	Nguyễn Đắc Luân		Em ruột						
	TỔNG CỘNG (I+…+IV)			**1.095.575**	**8.032.160**	**265.470**	**8.862.265**	**62,76**	

Ghi chú:

- (*) : Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro) sở hữu tổng cộng 4.550.650 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Trần Minh Hà (UV.HĐQT COMECO) 1.350.200 cp, ông Phạm Văn Thoại (UV.HĐQT COMECO) 1.200.000 cp, bà Trần Thị Phương Khanh (UV.BKS COMECO) 1.200.000 cp; số còn lại (800.450 cp) Saigon Petro không ủy quyền.
- (**): Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) sở hữu tổng số 4.955.840 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Nguyễn Ngọc Liên (UV.HĐQT COMECO) 2.000.000 cp, ông Võ Tấn Phong (UV.HĐQT COMECO) 2.281.950; số còn lại (673.890 cp) PV Oil không ủy quyền.

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : Không có

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty : Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

Phần 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Khái quát

Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09/08/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 16 ngày 24/05/2012.

Hoạt động của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, áptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ôtô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ôtô con (loại 12 chổ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán môtô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe.

Trụ sở chính của Công ty tại số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trương Đức Hạnh	Chủ tịch	
Ông Trần Minh Hà	Ủy viên	từ ngày 28/04/2012
Ông Nguyễn Ngọc Liên	Ủy viên	từ ngày 28/04/2012
Ông Võ Tấn Phong	Ủy viên	từ ngày 28/04/2012

Ông Phạm Văn Thoại	Ủy viên	từ ngày 28/04/2012
Ông Huỳnh Nguyên Triệu	Ủy viên	đến ngày 28/04/2012
Ông Phạm Công Quyền	Ủy viên	đến ngày 28/04/2012
Ông Lê Tấn Thương	Ủy viên	đến ngày 28/04/2012
Ông Đinh Viết Thắng	Ủy viên	đến ngày 28/04/2012

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trương Đức Hạnh	Tổng Giám đốc	đến ngày 28/04/2012
Ông Lê Tấn Thương	Tổng Giám đốc	từ ngày 28/04/2012
Ông Lê Tấn Thương	Phó Tổng Giám đốc	đến ngày 28/04/2012
Ông Huỳnh Nguyên Triệu	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Nghĩa	Trưởng ban	từ ngày 28/04/2012
Bà Trần Thị Phương Khanh	Thành viên	từ ngày 28/04/2012
Bà Nguyễn Cát Phương Yên	Thành viên	từ ngày 28/04/2012
Bà Lê Khắc Hồng Lan	Trưởng ban	đến ngày 28/04/2012
Ông Nguyễn Hữu Hoàng	Thành viên	đến ngày 28/04/2012
Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên	đến ngày 28/04/2012

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện

các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

TP.HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2013
Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch
(đã ký)

Trương Đức Hạnh

TP.HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2013
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
(đã ký)

Lê Tấn Thương

Số : 63 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012
của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) được lập ngày 28/01/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần

- Như trình bày tại thuyết minh V.3 trang 18, Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam có số nợ quá hạn 43,3 tỷ đồng (có thư bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Nhà TP.HCM (HD Bank)). Hiện tại Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để thu hồi nợ khoản nợ này. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 30% tương đương 13 tỷ đồng.
- Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết (theo thuyết minh V.2 trang 17) chúng tôi chưa có căn cứ để xác định cần phải trích lập dự phòng hay không.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2013
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc	**Kiểm toán viên**
(đã ký)	*(đã ký)*
Nguyễn Thị Lan	**Cao Thị Hồng Nga**
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV	Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. Tài sản ngắn hạn	100		**372.201.931.013**	**230.217.066.677**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	**56.543.233.267**	**38.142.270.504**
1. Tiền	111		56.543.233.267	38.142.270.504
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	**53.987.552.400**	**46.863.202.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		72.315.031.000	62.315.031.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(18.327.478.600)	(15.451.829.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	**52.297.810.977**	**95.207.785.259**
1. Phải thu khách hàng	131		65.316.092.558	44.232.408.071
2. Trả trước cho người bán	132		1.996.819	48.675.606.070
3. Các khoản phải thu khác	135		-	2.299.771.118
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(13.020.278.400)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	**191.984.540.779**	**42.122.346.995**
1. Hàng tồn kho	141		191.984.540.779	42.535.326.869
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(412.979.874)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		**17.388.793.590**	**7.881.461.919**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		391.717.540	1.082.443.430
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.134.314.482	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	1.132.340.719
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	1.862.761.568	5.666.677.770
B. Tài sản dài hạn	200		**234.409.397.990**	**218.338.162.087**
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		**231.263.397.990**	**214.936.162.087**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	117.805.727.006	110.869.827.088
- Nguyên giá	222		163.494.094.647	151.826.178.542
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(45.688.367.641)	(40.956.351.454)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	33.130.312.181	19.834.700.541
- Nguyên giá	228		36.531.617.280	22.500.584.020
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(3.401.305.099)	(2.665.883.479)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	80.327.358.803	84.231.634.458
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		**3.146.000.000**	**3.402.000.000**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	2.646.000.000	3.402.000.000
2. Tài sản dài hạn khác	268		500.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**606.611.329.003**	**448.555.228.764**
NGUỒN VỐN	**Mã số**	**Thuyết minh**	**31/12/2012**	**01/01/2012**
A. Nợ phải trả	300		**249.386.227.973**	**90.719.710.045**
I. Nợ ngắn hạn	310		**245.783.871.099**	**85.709.554.775**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	136.600.000.000	34.000.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		83.094.708.617	8.118.940.993
3. Người mua trả tiền trước	313		10.527.581.093	15.439.539.145
4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	314	V.11	3.920.694.238	3.397.520.548
5. Phải trả công nhân viên	315		6.326.769.233	7.876.649.652
6. Phải trả nội bộ	317		55.401.755	55.401.755
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	3.918.627.238	11.528.187.073
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.340.088.925	5.293.315.609
II. Nợ dài hạn	330		**3.602.356.874**	**5.010.155.270**
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.685.532.780	1.685.532.780
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	1.916.824.094	2.963.916.950
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	360.705.540
B. Vốn chủ sở hữu	400		**357.225.101.030**	**357.835.518.719**
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	**357.225.101.030**	**357.835.518.719**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		141.206.280.000	141.206.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		138.228.344.134	138.228.344.134
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		19.325.621.055	18.278.528.199
4. Cổ phiếu quỹ	414		(14.946.154.700)	(14.946.154.700)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		41.936.024.505	38.608.862.280
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.139.802.863	7.476.221.750
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.335.183.173	28.983.437.056
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**606.611.329.003**	**448.555.228.764**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)		-	152,94
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Tp.HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(đã ký)	*(đã ký)*	*(đã ký)*
Nguyễn Hữu Hoàng	**Phạm Công Quyền**	**Lê Tấn Thương**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.01	**4.956.450.637.718**	**4.732.648.392.681**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**4.956.450.637.718**	**4.732.648.392.681**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	VI.02	4.808.992.378.647	4.600.725.559.266
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**147.458.259.071**	**131.922.833.415**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	3.197.134.698	4.887.779.752
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	9.874.625.973	13.328.637.724
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*6.904.352.732*	*6.658.946.569*
8. Chi phí bán hàng	24		85.052.637.570	73.229.151.815
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.893.985.427	9.136.319.650
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**31.834.144.799**	**41.116.503.978**
11. Thu nhập khác	31		397.800.000	2.278.989.720
12. Chi phí khác	32		286.409.514	521.835.974
13. Lợi nhuận khác	**40**		**111.390.486**	**1.757.153.746**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**31.945.535.285**	**42.873.657.724**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.05	7.420.549.247	9.602.035.471
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**24.524.986.038**	**33.271.622.253**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	VI.06	**1.784**	**2.420**

TP. HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
(đã ký)	*(đã ký)*	*(đã ký)*
Nguyễn Hữu Hoàng	**Phạm Công Quyền**	**Lê Tấn Thương**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	**31.945.535.285**	**42.873.657.724**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.046.624.087	5.335.701.856
- Các khoản dự phòng	03	15.482.948.126	6.376.048.340
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.009.539.281)	(5.875.699.215)
- Chi phí lãi vay	06	6.904.352.732	6.658.946.569
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	**57.369.920.949**	**55.368.655.274**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	19.691.638.321	8.231.736.549
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(149.449.213.910)	41.482.663.141
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	60.631.203.335	(26.513.998.726)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.446.725.890	76.110.464
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.904.352.732)	(6.658.946.569)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.488.881.374)	(10.386.061.488)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	383.107.775
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8.344.988.407)	(2.353.147.882)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	**(33.047.947.928)**	**59.630.118.538**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(22.625.243.605)	(26.118.771.202)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	22	397.800.000	1.548.571.080
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.000.000.000)	(4.940.395.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.863.122.896	4.861.755.264
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	**(29.364.320.709)**	**(24.648.839.858)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.067.402.400.000	905.277.500.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.964.802.400.000)	(895.977.500.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.786.768.600)	(29.075.229.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	**80.813.231.400**	**(19.775.229.300)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	**18.400.962.763**	**15.206.049.380**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	**38.142.270.504**	**22.936.221.124**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	**56.543.233.267**	**38.142.270.504**

TP. HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
(đã ký)	*(đã ký)*	*(đã ký)*
Nguyễn Hữu Hoàng	**Phạm Công Quyền**	**Lê Tấn Thương**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09/08/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 16 ngày 24/05/2012.

Trụ sở chính của Công ty tại số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, áptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ôtô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ôtô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán môtô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định như sau : Hàng hóa theo phương pháp bình quân gia quyền, vật tư theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	5 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết vì không có đủ các thông tin cần thiết để lập dự phòng nên công ty không trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này. Ban Tổng giám đốc Công ty tin rằng các khoản dự phòng đối với các khoản đầu tư này, nếu có, không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóacác khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và đuợc tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

12. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	**31/12/2012** VND	**01/01/2012** VND
Tiền mặt	114.606.951	1.906.568.538
Tiền gửi ngân hàng	44.649.882.255	21.457.988.576
Tiền đang chuyển	11.778.744.061	14.777.713.390
Cộng	**56.543.233.267**	**38.142.270.504**

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**31/12/2012** VND	**01/01/2012** VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	72.315.031.000	62.315.031.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(18.327.478.600)	(15.451.829.000)
Cộng	**53.987.552.400**	**46.863.202.000**

(*) Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán :

	31/12/2012		**01/01/2012**	
Loại cổ phiếu	**Số cổ phần**	**Giá trị đầu tư**	**Số cổ phần**	**Giá trị đầu tư**
Công ty CP cà phê Petec (*)	43.800	444.000.000	43.800	444.000.000
Công ty CP TM-KT và Đầu tư Petec - Hà Nam Ninh (*)	26.990	272.599.000	26.990	272.599.000
Công ty CP Bến xe Miền tây (WCS)	44.300	775.250.000	44.300	775.250.000
Công ty CP XNK Thủ Đức (TMC)	264.752	5.775.685.000	264.752	5.775.685.000
Công ty CP CK ô tô Cần Thơ (*)	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty CP Cơ Khí Xăng dầu (PMS)	176.942	3.989.625.000	176.942	3.989.625.000
Công ty CP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (PNJ)	385.200	18.189.500.000	321.000	18.189.500.000
Công ty CP cơ khí Lữ Gia (LGC)	279.290	7.108.897.000	279.290	7.108.897.000
Công ty CP Thương Nghiệp Cà Mau (CMV)	237.504	3.450.000.000	196.350	3.450.000.000
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	162.000	6.169.700.000	162.000	6.169.700.000
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh (HAX)	5.133	46.600.000	5.133	46.600.000
Công ty CP Vận Tải Việt Tín (*)	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Cp Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC (*)	99.675	2.093.175.000	99.675	2.093.175.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (*)	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty CP Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam (*)	1.000.000	10.000.000.000	-	-
Cộng		**72.315.031.000**		**62.315.031.000**

Ghi chú: Mệnh giá của các cổ phiếu trên là 10.000 đồng/cổ phiếu

(*) Là các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết, chưa có căn cứ để trích lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	**31/12/2012** VND	**01/01/2012** VND
Phải thu khách hàng (*)	65.316.092.558	44.232.408.071
Trả trước cho người bán	1.996.819	48.675.606.070
Các khoản phải thu khác	-	2.299.771.118
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.020.278.400)	-
Cộng	**52.297.810.977**	**95.207.785.259**

(*) Trong đó: phải thu Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam 43.360.928.000 đồng đã quá hạn thanh toán từ cuối tháng 3 năm 2012.

Theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 150/HĐ-VX ngày 09/02/2012 giữa Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) và Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam, thời hạn thanh toán tiền hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên bán (COMECO) phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho mỗi đợt giao hàng. Hợp đồng trên được đảm bảo thanh toán bằng thư bảo lãnh số 1102/12/BL-HDB013 ngày 11/02/2012 của Ngân hàng Phát triển Nhà TP.HCM (HD Bank) có giá trị 50 tỷ đồng nhưng đến ngày 31/12/2012 chưa được HD Bank thanh toán thay như cam kết trong thư bảo lãnh. Hiện tại Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) đang tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để thu hồi số nợ trên. Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty đã trích lập 30% dự phòng phải thu khó đòi số nợ trên.

4. Hàng tồn kho	**31/12/2012** VND	**01/01/2012** VND
Hàng mua đang đi đường	151.343.144.776	-
Nguyên liệu, vật liệu	335.223.351	22.436.874
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	445.094.624
Hàng hóa	40.306.172.652	42.067.795.371
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**191.984.540.779**	**42.535.326.869**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(412.979.874)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	191.984.540.779	42.122.346.995

5. Tài sản ngắn hạn khác	**31/12/2012** VND	**01/01/2012** VND
Tạm ứng công trình tổng kho xăng dầu	73.363.766	1.295.149.888
Tạm ứng công trình cao ốc COMECO	69.872.000	3.733.828.724
Tạm ứng mua đất CN 37	917.062.500	-
Tạm ứng đóng thuế CN 39	527.000.000	-
Các khoản tạm ứng khác	275.463.302	637.699.158
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cộng	**1.862.761.568**	**5.666.677.770**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	**116.553.481.271**	**12.973.526.564**	**17.724.554.006**	**4.574.616.701**	**151.826.178.542**
Số tăng trong năm	10.930.424.498	392.824.684	985.417.727	189.819.091	12.498.486.000
- Mua trong năm	-	392.824.684	985.417.727	189.819.091	1.568.061.502
- Đầu tư XDCB hoàn thành	10.930.424.498	-	-	-	10.930.424.498
Số giảm trong năm	-	155.301.720	675.268.175	-	830.569.895
- Thanh lý, nhượng bán	-	155.301.720	675.268.175	-	830.569.895
Số dư cuối năm	**127.483.905.769**	**13.211.049.528**	**18.034.703.558**	**4.764.435.792**	**163.494.094.647**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	**17.163.417.538**	**10.654.822.651**	**11.456.523.109**	**1.681.588.156**	**40.956.351.454**
Số tăng trong năm	2.989.008.231	559.891.751	1.187.010.453	575.292.032	5.311.202.467
- *Khấu hao trong năm*	2.989.008.231	559.891.751	1.187.010.453	575.292.032	5.311.202.467
Số giảm trong năm	-	69.022.987	510.163.293	-	579.186.280
- Thanh lý, nhượng bán	-	69.022.987	510.163.293	-	579.186.280
Số dư cuối năm	**20.152.425.769**	**11.145.691.415**	**12.133.370.269**	**2.256.880.188**	**45.688.367.641**
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày đầu năm	**99.390.063.733**	**2.318.703.913**	**6.268.030.897**	**2.893.028.545**	**110.869.827.088**
Tại ngày cuối năm	**107.331.480.000**	**2.065.358.113**	**5.901.333.289**	**2.507.555.604**	**117.805.727.006**

** Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 22.511.956.857 đồng (31/12/2011: 19.641.360.849 đồng).*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá TSCĐ vô hình	
Số dư đầu năm	**22.500.584.020**
Số tăng trong năm	14.031.033.260
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	**36.531.617.280**
Giá trị hao mòn luỹ kế	
Số dư đầu năm	**2.665.883.479**
Số tăng trong năm	**735.421.620**
- *Khấu hao trong năm*	735.421.620
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	**3.401.305.099**
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình	
Tại ngày đầu năm	**19.834.700.541**
Tại ngày cuối năm	**33.130.312.181**

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công trình cửa hàng xăng dầu số 29	-	5.479.160.609
Dự án Tổng kho xăng dầu Nhơn Trạch - Đồng Nai	59.571.067.737	58.841.399.503
Công trình cửa hàng xăng dầu CH 35	-	2.609.553.678
Công trình cửa hàng xăng dầu CH 36	-	1.343.177.339
Công trình cửa hàng xăng dầu CH 37	-	6.463.735.737
Công trình cửa hàng xăng dầu CH 38	7.479.323.063	7.014.050.336
Công trình cửa hàng xăng dầu CH 39	11.794.721.152	-
Dự án Cao ốc văn phòng và Trung tâm thương mại 549 Điện Biên Phủ	-	1.592.059.000
Chi phí xây dựng dở dang khác	1.482.246.851	888.498.256
Cộng	**80.327.358.803**	**84.231.634.458**

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí tiền thuê mặt bằng trả trước	2.646.000.000	3.402.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	**2.646.000.000**	**3.402.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Vay và nợ ngắn hạn	**31/12/2012** VND	**01/01/2012** VND
Vay ngắn hạn	136.600.000.000	34.000.000.000
Ngân hàng ANZ - chi nhánh Hồ Chí Minh (*)	*96.600.000.000*	*34.000.000.000*
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) (**)	*40.000.000.000*	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	**136.600.000.000**	**34.000.000.000**

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng ANZ Việt Nam theo các giấy nhận nợ ngày 27/12/2012 và 28/12/2012. Thời hạn vay là 7 ngày, lãi suất vay là 7,2%/năm và 7,53%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) theo giấy nhận nợ ngày 28/12/2012. Thời hạn vay là 7 ngày, lãi suất vay là 7,4%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	**31/12/2012** VND	**01/01/2012** VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	825.866.569	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.749.547.984	2.313.913.851
Thuế thu nhập cá nhân	31.589.098	78.165.139
Thuế nhà đất	313.690.587	313.690.587
Các loại thuế khác	-	691.750.971
Cộng	**3.920.694.238**	**3.397.520.548**

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác	**31/12/2012** VND	**01/01/2012** VND
Kinh phí công đoàn	-	-
Cổ tức phải trả	-	-
Nhựa đường OECF	1.763.893.577	1.763.893.577
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.154.733.661	9.764.293.496
Cộng	**3.918.627.238**	**11.528.187.073**

13. Vay và nợ dài hạn	**31/12/2012** VND	**01/01/2012** VND
Vay dài hạn khác (*)	1.916.824.094	2.963.916.950
Cộng	**1.916.824.094**	**2.963.916.950**

(*) Vay dài hạn đối tượng khác là khoản tiền tài trợ của ESSO, công ty dùng để đầu tư tài sản và nâng cấp các trạm xăng dầu. Khoản tiền này được giảm hàng năm để tăng vốn theo công văn số 5565/UB-QLĐT ngày 24/12/1997 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, và công văn số: 1765/CQL ngày 26/12/1996 của Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền tăng vốn tương ứng với khấu hao các tài sản đầu tư hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	**141.206.280.000**	**138.228.344.134**	**17.231.435.343**	**(14.946.154.700)**	**34.916.995.280**	**5.630.287.750**	**34.958.380.103**
Lãi trong năm							33.271.622.253
Chia cổ tức bằng tiền năm 2010							(16.501.050.000)
Tạm ứng cổ tức 2011							(12.574.179.300)
Trích các quỹ					3.691.867.000	1.845.934.000	(9.229.668.000)
Tăng từ nguồn tài trợ của ESSO			1.047.092.856				-
Thù lao HĐQT và ban kiểm soát							(367.200.000)
Thưởng HĐQT và Ban TGĐ							(491.868.000)
Giảm khác							(82.600.000)
Số dư cuối năm trước	**141.206.280.000**	**138.228.344.134**	**18.278.528.199**	**(14.946.154.700)**	**38.608.862.280**	**7.476.221.750**	**28.983.437.056**
Lợi nhuận tăng trong năm							24.524.986.038
Tăng từ nguồn tài trợ của ESSO			1.047.092.856				-
Chia cổ tức đợt 3 năm 2011							(12.375.787.500)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2012							(9.625.612.500)
Trích các quỹ					3.327.162.225	1.663.581.113	(8.317.905.563)
Trích khen thưởng HĐQT, BGĐ							(13.580.000)
Thù lao HĐQT và ban kiểm soát							(318.500.000)
Tăng khác							214.631.400
Giảm khác							(736.485.758)
Số dư cuối năm nay	**141.206.280.000**	**138.228.344.134**	**19.325.621.055**	**(14.946.154.700)**	**41.936.024.505**	**9.139.802.863**	**22.335.183.173**

Ghi chú:

- Vốn khác của chủ sở hữu gồm nguồn quỹ đầu tư phát triển, nguồn tài trợ của ESSO.
- Cổ phiếu quỹ của công ty: Số lượng 369.753 cổ phiếu (tương đương 14.946.154.700 VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	**Tỷ lệ %**	**31/12/2012** VND	**Tỷ lệ %**	**01/01/2012** VND
Vốn góp của Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố (SAIGON PETRO)	32,23%	45.506.500.000	26,56%	37.502.000.000
Vốn góp của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (PVOIL)	35,10%	49.558.400.000	30,32%	42.819.500.000
Vốn góp của các đối tượng khác	32,68%	46.141.380.000	43,12%	60.884.780.000
Cộng	**100%**	**141.206.280.000**	**100%**	**141.206.280.000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	**Năm nay** VND	**Năm trước** VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	141.206.280.000	141.206.280.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	141.206.280.000	141.206.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	22.001.400.000	29.075.229.300

d) Cổ phiếu	**31/12/2012**	**01/01/2012**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.120.628	14.120.628
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.120.628	14.120.628
- *Cổ phiếu phổ thông*	*14.120.628*	*14.120.628*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	369.753	369.753
- *Cổ phiếu phổ thông*	*369.753*	*369.753*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.750.875	13.750.875
- *Cổ phiếu phổ thông*	*13.750.875*	*13.750.875*

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Năm nay** VND	**Năm trước** VND
Doanh thu bán hàng	4.938.392.949.129	4.714.950.288.542
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.057.688.589	17.698.104.139
Cộng	**4.956.450.637.718**	**4.732.648.392.681**

2. Giá vốn hàng bán	**Năm nay** VND	**Năm trước** VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.800.024.535.036	4.593.884.781.907
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.967.843.611	6.840.777.359
Cộng	**4.808.992.378.647**	**4.600.725.559.266**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	**Năm trước** VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	564.758.696	2.339.978.064
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.298.364.200	2.521.777.200
Doanh thu hoạt động tài chính khác	334.011.802	26.024.488
Cộng	**3.197.134.698**	**4.887.779.752**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	**Năm trước** VND
Lãi tiền vay	6.904.352.732	6.658.946.569
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.875.649.600	6.656.900.000
Chi phí tài chính khác	94.623.641	12.791.155
Cộng	**9.874.625.973**	**13.328.637.724**

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	**Năm trước** VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**31.945.535.285**	**42.873.657.724**
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	**(2.263.338.301)**	**(3.252.195.840)**
- Các khoản điều chỉnh tăng	35.025.899	-
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	*35.025.899*	-
+ Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.298.364.200)	(3.252.195.840)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	*(2.298.364.200)*	*(2.521.777.200)*
+ Thu hồi lại phạt thuế đã nộp theo QĐ 133/QĐ-CT-KBNN ngày 23/09/2011	-	*(730.418.640)*
Tổng thu nhập chịu thuế	**29.682.196.984**	**39.621.461.884**
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	**7.420.549.247**	**9.905.365.471**
Thuế TNDN được giảm do chênh lệch thuế suất 25% và 28%	-	(303.330.000)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**7.420.549.247**	**9.602.035.471**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	**Năm trước** VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.524.986.038	33.271.622.253
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	24.524.986.038	33.271.622.253
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.750.875	13.750.875
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.784**	**2.420**

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	**Năm nay** VND	**Năm trước** VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.129.802.785	11.200.337.969
Chi phí nhân công	48.024.232.228	42.655.682.255
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.046.624.087	5.335.701.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.608.702.161	15.851.581.080
Chi phí khác bằng tiền	12.105.105.347	14.162.945.664
Tổng cộng	**117.914.466.608**	**89.206.248.824**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	**Mối quan hệ**	**Nội dung nghiệp vụ**	**Giá trị giao dịch (VND)**
Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố (SAIGON PETRO)	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.392.478.469.583
Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên (PVOIL)	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.205.897.563.130

Cho đến ngày 31/12/2012, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	**Mối quan hệ**	**Nội dung nghiệp vụ**	**Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)**
Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố (SAIGON PETRO)	Bên liên quan	Phải trả người bán	(39.281.925.572)
Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên (PVOIL)	Bên liên quan	Phải trả người bán	(40.000.000.016)

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	**Năm trước** VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	3.286.044.336	3.501.835.848

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh xăng dầu, do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		**Giá trị hợp lý**	
	31/12/2012	**01/01/2012**	**31/12/2012**	**01/01/2012**
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.543.233.267	38.142.270.504	56.543.233.267	38.142.270.504
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.295.814.158	46.532.179.189	52.295.814.158	46.532.179.189
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	31.987.552.400	34.863.202.000	31.987.552.400	34.863.202.000
Cộng	**140.826.599.825**	**119.537.651.693**	**140.826.599.825**	**119.537.651.693**
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	136.600.000.000	34.000.000.000	136.600.000.000	34.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	88.698.868.635	21.332.660.846	88.698.868.635	21.332.660.846
Cộng	**225.298.868.635**	**55.332.660.846**	**225.298.868.635**	**55.332.660.846**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán niêm yết. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2012 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị ghi sổ.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác và nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2011và vào ngày 31/12/2012.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khỏan phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	**Từ 01 năm đến 05 năm**	**Cộng**
Số cuối năm	**223.613.335.855**	**1.685.532.780**	**225.298.868.635**
Các khoản vay	136.600.000.000	-	136.600.000.000
Phải trả người bán	83.094.708.617	-	83.094.708.617
Phải trả khác	3.918.627.238	1.685.532.780	5.604.160.018
Số đầu năm	**53.647.128.066**	**1.685.532.780**	**55.332.660.846**
Các khoản vay	34.000.000.000	-	34.000.000.000
Phải trả người bán	8.118.940.993	-	8.118.940.993
Phải trả khác	11.528.187.073	1.685.532.780	13.213.719.853

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lại của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lại của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

TP. HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
(đã ký)	*(đã ký)*	*(đã ký)*
Nguyễn Hữu Hoàng	**Phạm Công Quyền**	**Lê Tấn Thương**

HỆ THỐNG CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO
(CỬA HÀNG XĂNG DẦU)

CHI NHÁNH	ĐỊA ĐIỂM	ĐIỆN THOẠI	TG BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG
Số 01	Góc Lý Thái Tổ - Lê Hồng Phong, Phường 1, **Quận 10, TP.HCM**	38 359 704	*
Số 03	178/9M Điện Biên Phủ, Phường 21, **Q. Bình Thạnh, TP.HCM**	38 994 332	*
Số 04	46 Lê Quang Sung, Phường 2, **Quận 6, TP.HCM**	39 693 884	*
Số 06	710 Hồng Bàng, Phường 1, **Quận 11, TP.HCM**	39 691 767	*
Số 07	49 Trường Chinh, P.12, **Q.Tân Bình, TP.HCM**	38 490 097	*
Số 08	917 Đường 3/2, Phường 7, **Quận 11, TP.HCM**	38 550 466	*
Số 09	79 Lý Thường Kiệt, P. 8, **Q.Tân Bình, TP.HCM**	38 645 289	*
Số 11	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, **Q.Bình Thạnh, TP.HCM**	35 114 907	**18/04/2003**
Số 12	28 Kinh Dương Vương, P.13, **Quận 6, TP.HCM**	38 756 890	*
Số 14	450 Kinh Dương Vương, An Lạc A, **Q.Bình Tân, TP.HCM**	38 750 029	*
Số 15	526 Kinh Dương Vương, An Lạc A, **Q.Bình Tân, TP.HCM**	38 750 038	*
Số 16	442 Cách Mạng Tháng 8, P.11, **Quận 3, TP.HCM**	39 316 365	*
Số 17	70 Bạch Đằng, Phường 24, **Q.Bình Thạnh, TP.HCM**	39 854 761	*
Số 18	42 - 44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, **Quận 1, TP.HCM**	38 291 339	**15/01/2000**
Số 19	16/6 Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận, **Quận 7, TP.HCM**	37 733 164	**20/04/2003**
Số 20	667A, Quốc lộ 1A, KP 3, Phường Linh Xuân, **Q. Thủ Đức, TP.HCM**	37 240 479	**21/08/1993**
Số 21	12A Quang Trung, Phường 8, **Q.Gò Vấp, TP.HCM**	39 968 014	**01/09/1999**
Số 22	17/5 Phan Huy Ích, Phường 14, **Q.Gò Vấp, TP.HCM**	39 873 006	**16/08/2001**
Số 23	1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Sơn Kỳ, **Q.Tân Phú, TP.HCM**	38 474 522	**15/10/2002**
Số 24	C2 KCN Đức Hoà 1 Hạnh Phúc, xã Đức Hòa Đông, **H. Đức Hòa, Tỉnh Long An**	0723 779 913	**18/02/2003**
Số 25	26 Hồ Học Lãm, Phường 16, **Quận 8, TP.HCM**	37 523 952	**10/09/2004**
Số 26	17/3 Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, **H.Nhà Bè , TP.HCM**	37 828 493	**16/03/2004**
Số 27	3/40G Dương Công Khi, ấp Nhị Tân 1, xã Tân Thới Nhì, **H.Hóc Môn, TP.HCM**	37 132 961	**06/11/2004**
Số 29	318 Hương lộ 80, Phường Bình Hưng Hòa B, **Q. Bình Tân, TP.HCM**	37 655 868	**27/04/2011**
Số 30	22 Hương lộ 2, xã Phước Vĩnh An, **H.Củ Chi, TP.HCM**	37 905 836	**08/06/2004**
Số 31	439 Phan Văn Trị, Phường 5, **Q.Gò Vấp, TP.HCM**	39 968 014	**10/08/2008**
Số 32	209 Lý Thường Kiệt, Phường 7, **Quận 11, TP.HCM**	39 557 925	**10/06/2005**
Số 33	836 QL 1A, ấp Ngũ Phúc, xã Hố Nai 3, **H. Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai**	0612 660 919	**25/06/2010**
Số 34	D11/6Q Quốc lộ 1A, phường Tân Tạo, **Q.Bình Tân, TP.HCM**	37 505 046	**01/02/2010**
Số 35	Km 152, Quốc lộ 20, Khu phố 1, Thị trấn Madagui, **H.Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng**	0633 946 239	**12/11/2011**
Số 36	164A, Đường tỉnh 887, Ấp Mỹ A, Xã Mỹ Thạnh An, **Tp Bến Tre, Tỉnh Bến Tre**	0753 545 494	**07/12/2011**
Số 37	Quốc lộ 60, Ấp Tân Long 2, xã Tân Thành Bình, **H.Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre**	0753 670 909	**07/01/2012**
Số 38	Ấp Vĩnh Phước, xã Phước Lý, **H.Cần Giuộc, Tỉnh Long An**	0723 892 959	**16/09/2011**
Số 39	Quốc lộ 1A, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, **H.Bến Lức, Tỉnh Long An**	0723 644 674	**25/04/2012**
Số 40	348A Thạch Lam, Phường Phú Thạnh, **Q.Tân Phú, TP.HCM**	39 761 217	**04/12/2012**
Số 41	456A Đại lộ Bình Dương, Khu phố Nguyễn Trãi, P. Lái Thiêu, **TX.Thuận An, Tỉnh Bình Dương**	0650 363 6691	**02/02/2013**

TỔNG CỘNG : 36 CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO.

Ghi chú : (*) : Cửa hàng Xăng dầu được tiếp quản sau ngày Giải phóng Miền Nam 30/4/1975.

HỆ THỐNG ĐẠI LÝ XĂNG DẦU COMECO
(Công ty đầu tư trang trí theo thiết kế chung của COMECO)

TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ
1	DNTN TM Hải Sơn Lâm	124/9C Ung Văn Khiêm,Phường 25, **Quận Bình Thạnh, TP.HCM**
2	Cty TNHH MTV Bàu Sen	Ấp 3, Bàu Sen, Phú Thạnh, **Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai**
3	DNTN TM Quang Mẫn	256 QL13, Phường 26, **Quận Bình Thạnh, TP.HCM**
4	DNTN TM An Nhơn Tây	Ấp Xóm Mới, Xã An Nhơn Tây, **Huyện Củ Chi, TP.HCM**
5	DNTN TM Thanh Quan	113 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 7, **Quận 3, TP.HCM**
6	CTY Mỹ Anh - Trạm XD GAS Tuyết Anh	822/1 Hương lộ 2, Bình Trị Đông A, **Quận Bình Tân, TP.HCM**
7	DNTN TM Huỳnh Khang	A7/15K Trần Đại Nghĩa, Ấp 1, Tân Kiên, **Huyện Bình Chánh, TP.HCM**
8	Cty TNHH XD Lê Tuấn Anh	344A Tân Hòa Đông, Phường Bình Trị Đông, **Quận Bình Tân, TP.HCM**
9	Cty TNHH XD Thanh Bình	948 Tân Kỳ Tân Quý, KP5, Bình Hưng Hòa, **Quận Bình Tân, TP.HCM**
10	DNTN Trang Khoa	Bến Đình, Tỉnh lộ 319, Xã Phú Đông, **Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai**

HỆ THỐNG ĐẠI LÝ XĂNG DẦU COMECO
(Chưa trang trí theo thiết kế chung của COMECO)

TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ
1	Cty TNHH MTV KCN Vĩnh Lộc	Lô A59/1, Đường 7, KCN Vĩnh Lộc, Bình Hưng Hòa, **Quận Bình Tân, TP.HCM**
2	HTX Xe Du lịch & Vận tải số 4 – Trạm XD Phú Định	01 Hồ Học Lãm, Phường 16, **Quận 8, TP.HCM**
3	DNTN Nghĩa Phát	537, Lạc Long Quân, Phường 10, **Quận Tân Bình, TP.HCM**
4	Cty Cp Cảng Tôn Thất Thuyết	42 Tôn Thất Thuyết, Phường 4, **Quận 4, TP.HCM**
5	DNTN Tân Vạn An	66 Ấp 3, Xã Tân Trạch, **Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An**
6	Cty Cp Hóa chất VL Điện Tp.HCM	452 Hưng Phú, Phường 9, **Quận 8, TP.HCM**
7	DNTN TM DV Hạnh Thủy	Ấp Chánh, Xã Tân Thông Hội, **Huyện Củ Chi, TP.HCM**
8	CN DNTN TM Thanh Quan	Số 313 Ấp 5, Xã Phú An **Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang**
9	DNTN Trạm xăng dầu Ngọc Sơn A	Ấp Vĩnh Tuy, Xã Long Tân, **Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai**
10	DNTN Trạm xăng dầu Nam Cát Tiên	150 Ấp Phú Lâm, Xã Phú Sơn, **Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai**
11	DNTN Nguyễn Văn Sáu	Ấp 5, Xã Đức Hòa Đông, **Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An**
12	Cty TNHH MTV SX TM DV Minh Thành	2 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, **Quận 01, Tp.HCM**
13	DNTN Nguyễn Nam	42A Trần Quốc Tuấn, Phường 01 **Quận Gò Vấp, Tp.HCM**
14	DNTN Xăng dầu Minh Đạt	42 Trần Quốc Tuấn, Phường 1, **Quận Gò Vấp, TP.HCM**
15	DNTN TM XD Anh Thư	37/257C Phan Huy Ích, Phường 12, **Quận Gò Vấp, TP.HCM**
16	DNTN SX TM Hồng Tuyết	139/1552A – 1552B Lê Đức Thọ, Phường 13, **Quận Gò Vấp, TP.HCM**
17	Cty TNHH MTV Long Bảo Thiên	253 Ấp Đồng Tâm, Xã Long Trạch, **Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An**
18	Cty TNHH MTV Lục Kim Quân	281/41/1A Lê Văn Sỹ, Phường 01, **Quận Tân Bình, Tp.HCM**